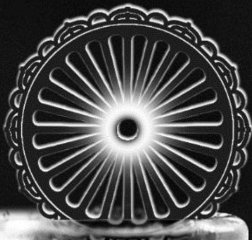
BUDDHASĀSANA THERAVĀDA



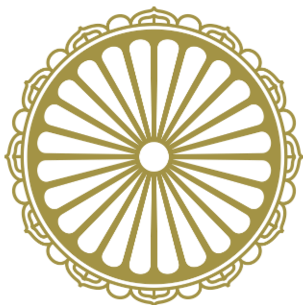
KAMMA – NGHIỆP TRONG KIẾP SỐNG NÀY

(KAMMA IN THIS LIFE)

Sayadaw Dr. Nandamālābhivaṃsa

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

BUDDHASĀSANA THERAVĀDA



KAMMA – NGHIỆP TRONG KIẾP SỐNG NÀY

(*Kamma In This Life*)

Nghiệp sanh và cho quả của nó ra sao

Sayadaw Dr. Nandamālābhivaṃsa

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

KAMMA – NGHIỆP TRONG KIẾP SỐNG NÀY (Kamma In This Life)
Sayadaw Dr. Nandamālābhivaṃsa
Chuyển ngữ: Abhikusala – Siêu Thiện
Phật lịch 2564 - Dương lịch 2021

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

In 4.000 bản, khổ 14,5cm x 20,5cm tại: **Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng.**
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P. 13, Q. Tân Bình, TPHCM.
Số XNĐKXB: 511-2021/CXBIPH/11 - 10/HĐ
Số QĐXB của NXB: 493/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 09 tháng 02 năm 2021
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-321-781-0
In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.

Độc giả lưu ý

Nghiệp trong kiếp sống này: 'Nghiệp sinh khởi và cho quả của nó' là một tài liệu sưu tập những bài giảng và thuyết pháp (*dhamma*) của Sayadaw Nandamālābhivaṃsa đã giảng trong suốt nhiều năm tại một số nơi ở Myanmar và nước ngoài. Một số bài nói đã được phiên âm hay chuyển ngữ trước. Tập sách này là một tập sách tiếp theo của '*Kamma – Nghiệp vào lúc tử và tái tục*' được xuất bản vào năm 2016 bởi 'German Abhidhamma Association'. Tôi cảm ơn bà Orchid, xin tri ân sự giúp đỡ của bà về việc vi tính và xả thí vật liệu viết.

Người biên soạn
Vimalañāṇī

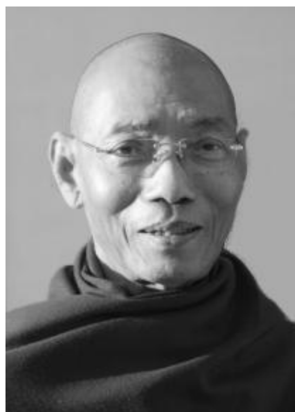
NAMO TASSA BHAGAVATO
ARAHATO
SAMMĀSAMBUDDHASSA

THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ ĐỨC THẾ TÔN,
BẬC ỨNG CÚNG,
ĐẤNG CHÁNH TỰ GIÁC



Mục lục

Tiểu sử của Dr. Nandamālābhivaṃsa



Dr. Sayadaw Nandamālābhivaṃsa, sinh ở Sint-ku thuộc Liên bang Myanmar năm 1940, bắt đầu đường học vấn của Ngài ở một trường Tu viện ở phân khu Mandalay. Ngài được thọ sadi vào lúc 10 tuổi với Sankin Sayadaw ở Tu viện Vipassanā danh tiếng ở Sagaing Hills.

Vào năm 16 tuổi, Ngài đã thi đậu kỳ thi Dhammācariya (Pháp sư); và năm 21 tuổi, Ngài đã vượt qua kỳ kiểm tra khó về Abhivaṃsa. Ngài cũng tiếp tục việc học tập của mình ở Sri Lanka và India, đạt được bằng cấp cao hơn. Luận án Dr. (học vị tiến sĩ) của Ngài là về đạo Jainism trong văn học Phật giáo.

Sayadaw Dr. Nandamāla là một trong những người sáng lập học viện nổi tiếng Mahāsubodhayon ở Sagaing Hills. Năm 2003, Ngài thành lập Dhammavijjālaya (Trung tâm nghiên cứu Phật giáo) liền kề Tu viện Mahāsubodhayon cho người nước ngoài tha thiết việc học và thực hành của họ thêm nữa. Ngài cũng thành lập **Institute of Dhamma Education** (IDE), một trung tâm học Phật giáo mới ở Pyin Oo Lwin. Kể từ khi trung tâm khai giảng vào năm 2013, Ngài đã tổ chức các khóa học cho cả sinh viên trong và

ngoài nước. Trung tâm nghiên cứu ‘Dhammavinaya Centre’ khác được mở vào năm 2015. Từ đó, các khóa học năm 2016 đã được tổ chức cho các tăng sĩ và người nước ngoài.

Đồng thời, Sayadaw Dr. Nandamāla giữ nhiều trách nhiệm: trong số đó, Ngài là hiệu trưởng của Học viện Phật giáo Quốc tế Sītagu (Sītagu International Buddhist Academy) (Sagaing Hills). Hơn nữa, sau khi khai giảng Đại học Truyền giáo Phật giáo Nguyên Thủy Quốc tế (Theravāda Buddhist Missionary University) (ITBMU) năm 1995, Ngài phục vụ với tư cách giáo sư thỉnh giảng. Từ năm 2005, Ngài là Hiệu trưởng.

Sayadaw Dr. Nandamāla phục vụ để đốc thúc và truyền bá Phật pháp ở Myanmar và cả nước ngoài. Từ năm 2003, Ngài bắt đầu giảng dạy Abhidhamma ở Châu Âu, Malaysia và Singapore. Đã có nhiều thời thuyết Pháp trong suốt những năm ở Myanmar, Ngài được công chúng biết đến với cách tiếp cận riêng, sinh động và thiết thực, sử dụng các ví dụ từ đời sống hàng ngày. Ngài cũng là tác giả của nhiều tựa sách tiếng Myanmar, Pāḷi và Anh ngữ (xem bên dưới).

Danh sách một số ấn phẩm bằng Anh ngữ

- The 90 Years of Life of Daw Malayee (1975)
- The Exposition of True Meaning (Paramattha dīpanī) with Critical Introduction to the Text (Thesis for the degree of Master of Philosophy) (1996)

- Buddhism and Vegetarianism (1990)
- Fundamental Abhidhamma (1997)
- A Study of Jainism according to Buddhist Literature (Thesis for the degree of Ph.D.) (2004)
- How to Practise the Four Noble Truths
- Akusala: the Nature of Poison (2010)
- The Path to Happiness (2010)
- The Buddha's Advice to Rāhula and Rāhula's Life (2012)
- Eight and One (2013)
- The Exits of Mind (2013)
- Samatha and Vipassanā (2013)
- An Analysis of Feelling (Vedanā) (2013)
- A collection of Dhamma Talks 1 (2014)
- The Great Teacher: Collected Dhamma discourses (2015)
- Kamma at Death and Rebirth (2016)

Nhờ kiến thức tuyệt vời về Phật Pháp và kinh nghiệm giảng dạy của Ngài, nên Ngài đã được chính phủ Myanmar tặng danh hiệu Aggamahāganthavācaka-paṇḍita (Giảng viên cao cấp) và Aggamahāpaṇḍita vào năm 1995 và 2000.

Lời nói đầu

Ngày ngày, chúng ta thực hiện tất cả các loại hành vi hay nghiệp (*kamma*) không ngừng qua ba môn. Cũng vậy, tựa như một cây trổ quả không ngừng, chúng ta đang tích lũy một số lượng lớn nghiệp (*kamma*). Thêm vào có một lượng nghiệp dự trữ bao la từ vô số kiếp sống quá khứ của chúng ta. Theo Đức Phật, pháp này được phối hợp với sở hữu tư (*cetanā cetasika*) - qua sự cố quyết của tư, rất nhiều nghiệp được tích lũy. Chúng không thể bị diệt mất hay bị lạc. Những nghiệp chúng ta tạo vào lúc này hay lúc khác sẽ trở lại với chúng ta như một hậu quả trong tiến trình nhân và quả. Đây là định luật về nghiệp và quả của nghiệp: nếu cái này hiện có, thì cái kia sẽ hình thành.[1]

Gặt hái những gì đã được gieo

Vì lý do đó, y theo hành vi hay nghiệp đã thực hiện, quả tương ứng với nghiệp sẽ sinh khởi. Hơn nữa, một loại nghiệp (*kamma*) sẽ chỉ cho một quả liên quan đến loại của nó. Dẫn cách khác, khi đã thực hiện một hành vi nghiệp, bạn sẽ nhận quả của nó theo một dạng hay đặc tính tương tự trong kiếp này hay kiếp khác. Một ví dụ có liên quan đến Đức Phật khi Ngài ở tại Rājagaha.

Hoa dành cho một vị Phật Độc giác (Pacceka Buddha)

Lúc đó, Ngài được vua thành Vesālī mời đến để giúp giải quyết các vấn đề quốc gia. Vua Bimbisāra đã bố trí trang hoàng toàn bộ quảng đường đến biên giới. Về phần mình,

[1] Imasmiṃ sati idaṃ hoti.

đức vua thành Vesālī cũng trang hoàng các con đường. (Việc trang hoàng này đã xảy ra đã được thực hiện mặc dù hai quốc gia có sự khác biệt về chính trị và biên giới được canh giữ thận trọng. Bạn không thể đi qua từ quốc gia này sang quốc gia khác tựa như từ Đức đến Hà Lan).

Các lễ lớn được tổ chức trong chuyến đi. Đức phật giải thích rằng: ở một kiếp trước, Ngài đã bày tỏ lòng tôn kính và dâng hoa đến một vị Phật Độc giác (*Pacceka Buddha*), rải hoa trên khắp bề mặt, dọc theo đường của ngôi bảo tháp. Bây giờ hoa đã được trải đều dọc con đường cho Ngài. Điều này do nghiệp thiện (*kusala kamma*) trước đây của Ngài, nay trổ quả của nó.

Đây là định luật của nghiệp (*kamma niyama*), hay đặc tính tự nhiên, thiện sinh ra thiện, ác sinh ra ác. Không bao giờ có trường hợp nghiệp thiện cho một quả khổ và ngược lại. Luật tự nhiên không bao giờ sai.

Chắc chắn báo đáp

Dù thường được gọi là nghiệp (*kamma*), không có hai nghiệp giống nhau hay có cùng mức tiềm lực. Do vậy, năng lực và đặc tính của nghiệp này không giống nghiệp kia, được thể hiện qua sự khác nhau về tính chất, về phận sự, về thời gian cần chín muồi, cũng như thọ mạng. Những quả trổ cũng khác nhau.

Do đó, trong số những nghiệp (*kamma*) tích lũy này, một nghiệp luôn luôn sẵn sàng trợ tạo quả của nó. Khi đã tích lũy tất cả tiềm lực, nghiệp sẽ cho quả của nó. Không có chuyện không có hứng chịu quả của nghiệp. Chúng ta cũng không thể loại bỏ nghiệp để nó không thể trợ tạo quả

của nó. Chừng nào còn có sự sống trong thân, chừng đó nó sẽ tiếp tục cho quả của nó. Thật vậy, Đức Phật đã dạy rằng: Bất kỳ hành vi nào của nghiệp nương vào tham, sân và si (*lobha*, *dosa* & *moha*) có thể trợ tạo quả của nó ngay trong kiếp sống hiện tại này, hay kiếp sống kế tiếp, hay chừng nào vẫn còn[2] trong luân hồi (*saṃsāra*). Lấy ví dụ trường hợp của một người bán thịt, trong hơn 50 năm người này đã giết mổ bò và bán thịt bò để kiếm sống.

Kammic - Nghiệp ăn miếng trả miếng

Một ngày sau khi làm các công việc thường ngày, người bán thịt trở về nhà, nói với vợ rằng tất cả thịt đã được bán hết, trừ một miếng mà tôi thích. Phần này ông đã dành riêng cho mình. Ông bảo vợ chuẩn bị bữa ăn với thịt bò, rồi ông đi tắm ở bờ sông.

Trong lúc ông không có ở nhà, một người bạn thân của ông đã đến nhà và hỏi: “Này, còn thịt bò không?”

Người vợ trả lời: “Tất cả đã được bán. Chỉ còn lại miếng này là dành cho ông ấy ăn.”

“Làm ơn đưa nó cho tôi. Tôi thực sự cần phải có nó vì có một vị khách đến nhà tôi,” nói vậy, ông ta cầm lấy miếng thịt và mang đi.

Khi người bán thịt trở về nhà, người vợ đang dọn bàn ăn.

Ông ta hỏi: “Thịt bò đâu?”.

“Ồ, bạn của ông ghé vào. Ông ấy nói có một vị khách đến nhà ông ấy. Dù tôi đã nói với ông ấy rằng thịt là dành cho

---

[2] Nidāna Sutta, Aṅguttara Nikāya.

ông rồi và không thể đưa cho ông ấy được, nhưng ông ấy đã mang nó đi".

Kế tiếp, người bán thịt đã nói gì?

"Tôi không thể ăn nếu không có thịt trên bàn," nói như vậy, người bán thịt chộp lấy một cây dao và đi ra phía sau nhà nơi nhốt những con bò. Nắm chặt một con, ông ép buộc nó mở miệng và cắt lưỡi của nó. Trở về nhà, ông bảo vợ nấu lưỡi bò.

Chỉ nghĩ về điều đó thôi cũng thấy nó tàn nhẫn, độc ác làm sao, về phần con bò, nó rống lên trong đau đớn. Nó chắc chắn sẽ chết.

Khi thức ăn đã nấu xong, người bán thịt lấy một miếng và đưa vào miệng của mình. Ngay lập tức chính lưỡi của ông ta bị xé toạc ra.

Vì người đàn ông này đã giết bò trong năm mươi năm, hôm nay hóa ra là ngày khổ (*dukkha*) đến cho ông ta. Tiếng rống lên trong đau đớn tựa như con bò, ông ta cũng phải đối mặt với sự tử sắp xảy ra. Đây là hiện báo nghiệp (*kamma*) do hành vi vô cùng tàn bạo.

Bấy giờ, ông ta phải đối mặt với quả của nghiệp mà ông đã thực hiện trong nhiều năm.

Kamma – Nghiệp là tài sản của riêng mình

Đức Phật cũng dạy rằng chúng ta trả nợ cho nghiệp nhân (nghiệp tạo ra nhân) bằng cuộc đời của chúng ta ở đây trong kiếp sống này. Nghiệp đó đã quyết định xem chúng ta sẽ có ngoại hình tốt hay xấu, có thị lực sắc bén hay một số khuyết điểm bẩm sinh như mù. Thông qua nghiệp,

chúng ta là duy nhất, không giống ai: khác nhau về thọ mạng, ngoại hình, khả năng hiểu biết, tình trạng sức khỏe, thân phận và v.v… ngay cả giữa những người trong gia đình. Theo Chú giải, nhiều loại khác biệt trong xã hội đơn giản chỉ xác nhận những gì Đức Phật dạy về nghiệp (*kamma*), đó là thấy đúng về nghiệp tự tính (*kammassakatā sammā diṭṭhi*). Điều này có nghĩa là nghiệp mà chúng ta thực hiện là tài sản riêng của chúng ta. Dù nghiệp đó là thiện (*kusala*) hay bất thiện (*akusala*), chúng ta phải hứng chịu quả của nó. Nghiệp là tài sản duy nhất mà chúng ta có thể thừa kế. Vì vậy, nghiệp xảy ra liên quan đến người đã gây ra nghiệp, mà không ai khác.

Sự cần thiết nghiên cứu chủ đề

Liên quan đến những gì Đức Phật đã dạy về nghiệp (*kamma*), có một số lượng lớn, không chỉ trong Kinh (*Sutta*) mà cả trong Vô tỷ pháp (*Abhidhamma*). Những gì tôi đang dạy hiện tại chỉ là một lý do chính – chỉ để cho bạn hiểu biết về một số chủ đề. Có thể nói rất chi tiết và rất dài về nó.

Vì nghiệp (*kamma*) xảy ra trong tâm và thân của chúng ta, nên chúng ta cần nghiên cứu và tìm hiểu nó sinh khởi theo danh sắc (*nāma-rūpa*) ra sao, nơi nó tập hợp, nó chín muồi và cho quả của nó ra sao trong suốt kiếp sống của chúng ta và trong vòng luân hồi (*saṃsāra*).

Bằng việc nghiên cứu và hiểu những lời dạy của Ngài về chủ đề này, chúng ta có thể cố gắng để chấm dứt nghiệp. Trước tiên, chấm dứt nghiệp bằng cách kiềm chế không thực hiện nghiệp bất thiện (*akusala kamma*) và bằng việc

chỉ làm những nghiệp thiện (*kusala kamma*). Đối với những nghiệp bất thiện đã phạm đó, thay vì hối hận, chúng ta cần phải tìm cách tránh xa việc tái phạm. Chúng ta làm điều này bằng cách tạo ra nhiều nghiệp thiện. Cũng bằng nỗ lực chấm dứt các danh pháp phiền não của chúng ta, cuối cùng chúng ta có thể tự thoát khỏi nghiệp. Chúng ta đạt đến sự dừng nghiệp (*kammakkhaya*).

Kamma - Nghiệp Trong Phật Giáo Không Giống Những "Nghiệp" Khác

Bạn có thể hỏi "ý nghĩa thật sự của nghiệp này theo Đức Phật (Buddha) dạy trong kammassakatā sammā diṭṭhi là gì?" Xét cho cùng, đó là một thuật ngữ phổ biến trong các tôn giáo ở Ấn Độ. Nghiệp (*Kamma*) không chỉ có trong Phật giáo và những ai tin vào nghiệp không nhất thiết là Phật tử. Vì các tôn giáo khác cũng sử dụng từ này, nên những người nghiên cứu các tôn giáo Ấn Độ bị nhầm lẫn. Một số do nhầm lẫn cho rằng Đức Phật đã lấy từ này từ Hindu giáo. Điều quan trọng là phân biệt nghiệp (*kamma*) trong Phật giáo với nghiệp trong các tôn giáo khác. Dù Đức Phật sử dụng cùng một thuật ngữ nhưng ý nghĩa khác nhau.

Ngã (*atta*) gắn liền với nghiệp (*kamma*)

Các tôn giáo khác đưa ra quan điểm về một thực thể hay ngã (*atta*) thường hằng. Đó là ngã hay linh hồn này thực hiện các hành vi nghiệp thiện và bất thiện. Do đó, nó bị giữ trong sự lệ thuộc của nghiệp (*kamma*). Vì nghiệp trói buộc nó, nên nó không thể thoát khỏi khổ mà phải lang thang trong vòng luân hồi (*saṃsāra*). Ngã (*atta*) có thể được giải thoát khỏi nghiệp nếu con người có thể loại bỏ sự trói buộc của nó. Làm như vậy, vị ấy có thể đạt được sự giải thoát.

Điều làm cho Phật giáo khác biệt với các tôn giáo khác là đức Phật giải thích nghiệp mà không có ngã (*atta*). Điểm này là một điều phân biệt quan trọng khi Ngài bác bỏ quan

điểm về linh hồn hay thực thể thường hằng. Theo Ngài, không có "người" hành động. Bạn có thể hỏi: "Nếu như vậy thì ai sẽ nhận lãnh quả của nghiệp?" Đó chỉ là pháp hành động và pháp nhận lãnh. Không có người hành động - không có người hứng chịu - chỉ có các tiến trình danh và sắc hoạt động. Trong tiến trình danh pháp thực hiện nghiệp thiện và ác. Do đó, quả của nghiệp xuất hiện trong tiến trình này. Trong các tôn giáo khác, ngã thường hằng thực hiện nghiệp và cho nên ngã hứng chịu quả. Như vậy, dù từ ngữ như nhau, nhưng ý nghĩa khác nhau. Do vậy, chúng ta cần biết ý nghĩa của nó. Trong Pāḷi "*kamma*" theo nghĩa đen là "*hành vi*" hay "*nghiệp*".

Tìm nhân (của một hành vi hay nghiệp)

Trong Chú giải có ghi rằng: nếu bạn ném hòn đá vào một con chó rừng, thì nó sẽ cắn hòn đá chứ không phải người ném. Nếu hòn đá được ném vào một con sư tử, thì nó sẽ đến và cắn bạn - không phải hòn đá. Hòn đá chỉ là quả; quan trọng hơn là người ném. Nếu một Bác sĩ tiến hành điều trị, thì ông sẽ tìm nguyên nhân của bệnh và không chỉ điều trị các triệu chứng. Đức Phật cũng vậy, luôn luôn tìm nguyên nhân.

Như vậy, trong Phật giáo - không như các tôn giáo khác - chỉ một mình hành vi thôi không phải là nghiệp. Hành vi xảy ra do tư hay sự cố quyết hay cố ý. Các hành vi thì rất nhiều: ngay cả khi ngủ bạn vẫn có thể nói, di chuyển hay thậm chí đánh ai đó gần bạn. Hiểu nguyên nhân trợ sanh hành vi quan trọng hơn. Chúng ta có thể nhìn nó theo cách này: nghiệp là nguyên nhân của một hành vi. Hay nó có

thể được đặt theo cách khác: nghiệp là hành vi, là quả của nhân, đó là tư hay sự cố quyết hay cố ý.

Hành vi này có thể được phân thành ba: hành vi qua ý, qua khẩu và qua thân. Loại thứ nhất chỉ là trong tâm. Một hành vi qua khẩu hay thân bắt đầu trong tâm và rồi tương ứng biểu lộ ra lời nói hay được thực hiện bởi thân.

Ý dẫn đầu

Điều này nghĩa là các hành vi bằng khẩu và thân xảy ra với ý. Trong Jain giáo (Jainism), chúng được cho là xảy ra mà không có sự tham gia của ý. Như vậy, theo Phật giáo, ý nghiệp khởi đầu cho tất cả hành vi. Tuy nhiên, hành vi được thực hiện mà không có tư (*cetanā*) thì không phải là nghiệp (*kamma*). Điều này trái với quan điểm của Jain giáo. Ví dụ như trong khi đi trên đường, chúng ta vô tình đè bẹp một số côn trùng. Không có nghiệp được thực hiện trừ khi chúng ta cố ý giẫm lên chúng. Do đó, trong ba loại nghiệp, ý nghiệp là quan trọng nhất, là nhân của hai nghiệp còn lại.

Không như nghiệp (*kamma*) trong các tôn giáo khác, Đức Phật đã tuyên bố rằng nghiệp là sự đốc thúc hay tư (*cetanā*[3]) hay sự cố quyết. Trạng thái của danh pháp này là nghiệp (*kamma*) vì nó khuyến khích chúng ta nghĩ ngợi, nói năng và hành động. Vì vậy, thông qua sự đốc thúc có hành vi qua thân và khẩu xảy ra. Qua đó, chúng ta thực hiện tất cả các hành vi tốt và xấu.

---

[3] *Cetanā* thường được dịch là "volition: ý muốn, sự mong muốn, ý chí", mặc dù sự đốc thúc thì chính xác hơn.

Về phần loại thứ ba, ý nghiệp (*mano-kamma*) thì chỉ trong ý và không chuyển thành hành động qua thân hay khẩu. Một số ý nghiệp có thể rất mạnh mẽ. Thật vậy, theo Đức Phật, ý nghiệp là mạnh mẽ nhất vì ý tạo ra mọi thứ. Trong pháp chỉ tịnh (*samatha*) người ta có thể thực hiện khả năng thần thông chỉ nhờ vào sức mạnh của ý.

Nghiệp trong ý nghĩ

Dù tư (*cetanā*) đã được Đức Phật tuyên bố là nghiệp (*kamma*), nhưng có các sở hữu tâm khác phối hợp với nó cũng được coi là nghiệp. Lưu ý khi nơi thân nghiệp (*kāya-kamma*) và khẩu nghiệp (*vacī-kamma*) có liên quan, tư (*cetanā*) là lực đẩy chính. Tuy nhiên, vào lúc ý nghiệp (*mano-kamma*) xảy ra, nó không chỉ có một mình tư (*cetanā*), còn có các sở hữu tâm mạnh mẽ khác tham gia. Dù ý nghiệp này không chuyển thành hành động qua thân và khẩu, nhưng nó vẫn là nghiệp (*kamma*). Tuy nhiên, theo Vô tỷ pháp (*Abhidhamma*), không phải tất cả các sở hữu tâm (*cetasikā*) sinh khởi theo tâm có thể được gọi là ý nghiệp (*mano-kamma*) - ngoại trừ 21 sở hữu tâm bao gồm tư (*cetanā*). Lấy tham ác (*abhijjhā*) làm một pháp khởi đầu.

Tham ác (*abhijjhā*) là một khía cạnh của tham (*lobha*). Nó muốn sở hữu tài sản của người khác. Đây không đơn giản là ái vì tham ác (*abhijjhā*) thèm muốn tài sản của người khác. Nhiều người bị dính mắc vào tài sản của họ - đó chỉ là ái. Nó không thể được gọi là tham ác (*abhijjhā*) – một ý nghiệp như - theo Kinh văn Phật giáo. Do đó, chúng ta phải hiểu rằng - theo định nghĩa này, không phải tất cả các loại ái đều trở thành ý nghiệp (*mano-kamma*) –

mà chỉ có loại thèm muốn sở hữu những gì thuộc về người khác là ý nghiệp.

Tiếp theo, tất cả các loại sân độc (*byāpāda*) được đề cập là ý nghiệp. Sân độc (*byāpāda*) - là muốn đánh hay giết người khác hay mong người khác gặp điều không may: "Tốt hơn là người đó chết đi" hay "Cầu cho bà ta không được may mắn." Như vậy, bất kỳ lòng hận thù nào sinh khởi đều trở thành ý nghiệp (*mano-kamma*).

Một loại ý nghiệp khác là tà kiến (*miccha diṭṭhi*). Điều gì làm nên tà kiến hay thấy sai? Nó là cái thấy không có pháp (*dhamma*), không theo pháp, và ngược với pháp. Ba loại tà kiến đặc biệt quan trọng. Một loại bác bỏ quả của nghiệp (*kamma*) bằng cách phủ nhận quả đó tồn tại[4], ví dụ thực hiện việc xả thí (*dāna*). Một loại khác là không chấp nhận cả nghiệp và quả của nghiệp, tốt và xấu[5]. Kế đến, loại tà kiến thứ ba là vô nhân kiến[6].

Bằng cách sinh khởi trong ý, ba sở hữu tâm bất thiện trở thành nghiệp (*kamma*).

Về mặt tốt của nghiệp (*kamma*)

Về mặt thiện (*kusala*), có ba pháp tương ứng của tham ác, sân độc và tà kiến: vô tham ác (*anabhijjhā*), vô sân độc (*abyāpāda*) và chánh kiến (*sammā diṭṭhi*).

Ngoài những pháp này ra, có bảy giác chi (*bojjhaṅga*) và tám chi Thánh đạo (*maggaṅga*). Tuy nhiên, trong các tôn

[4] Natthika diṭṭhi.
[5] Akiriya diṭṭhi.
[6] Ahetuka diṭṭhi.

giáo khác, những pháp này không được coi là nghiệp. Tại sao Đức Phật coi những pháp đó là nghiệp (*kamma*)? Đó là vì những chi này có thể đoạn trừ những danh phiền não (*kilesa*), đưa đến sự dứt nghiệp. Chính những nghiệp này rất mạnh mẽ, chúng không bao giờ trợ cho tái tục. Thay vào đó, chúng đưa đến Nibbāna, khi chấm dứt nghiệp trong vòng luân hồi (*saṃsāra*). Đó là tính chất đối tính chất: tính thiện nếu đủ mạnh sẽ loại bỏ tính bất thiện.

Bạn cần lưu ý rằng những sở hữu tâm (*cetasikā*) này phối hợp với bất thiện không phải là nghiệp. Đức Phật không bao giờ dạy điều đó. Chỉ khi chúng được phối hợp với giác chi (*bojjhaṅga*) và chi đạo (*maggaṅga*) thì chúng mới là nghiệp. Ví dụ, không phải tất cả các loại hỷ (*pīti*) là nghiệp, chỉ khi nó là chi của giác ngộ. Điều này có nghĩa là những sở hữu tâm này có thể đưa đến Nibbāna chỉ khi ở mức độ cao hơn.

Do đó để hiểu rõ hơn về nghiệp, cần biết về hoạt động của tâm nơi nghiệp bắt nguồn.

1/ Kamma – Nghiệp Là Nhân Của Hành Vi

Kamma – Nghiệp sanh trong tâm ra sao

Tâm làm việc rất nhanh như một máy phát điện. Theo Chú giải, hàng tỉ tâm sanh và diệt trong một giây do tính ngắn gọn của sát-na danh. Đó là lý do tại sao chúng ta có thể cùng một lúc vừa xem TV, vừa nghe nhạc, vừa ăn và cười: tựa như một người tung hứng, trước tiên tung với hai quả bóng, rồi ba, rồi bốn và v.v… Tuy nhiên, chỉ một tâm (*citta*) vào một lần.

Ví dụ, chúng ta nghĩ rằng chúng ta thấy và nghe cùng một lúc, nhưng việc lộ nhãn thức diệt mất trao cơ hội cho lộ nhĩ thức sanh. Nó tựa như thắp sáng đèn cầy: bóng tối diệt mất để cho ánh sáng xuất hiện.

Vậy nghiệp sanh trong tâm ra sao? Nếu bạn muốn tìm hiểu, bạn cần làm quen với cách hoạt động của tâm. Điều này có liên quan đến lộ tâm (*citta-vīthi*): một chuỗi cố định gồm các tâm (*citta*) sinh khởi dựa vào tác động của một cảnh qua một môn quyền.

Giả dụ một cảnh sắc vào tầm nhìn tại nhãn môn. Điều gì xảy ra kế tiếp?

Ai đang gõ cửa?

Để giúp bạn hiểu kịp về tiến trình, giả dụ bạn đang ở nhà. Khi ấy, một vị khách đến trước cửa nhà bạn và gõ cửa. Khi nghe tiếng gõ, bạn đi ra mở cửa. Khi mở cửa, bạn thấy có một người khách. Khi thấy đó là bạn của mình, bạn mời anh ấy vào nhà. Bạn hỏi "điều gì đưa bạn đến đây?" Bạn mời anh ta ngồi và mời uống nước giải khát. Sau khi cuộc

trò chuyện kết thúc, người khách đi về và nói lời tạm biệt. Khi ấy bạn đóng cửa lại. Sự đến thăm này chỉ là tiến trình.

Chúng ta có sáu môn hay cửa trong thân để những vị "khách" có thể đến gõ vào chúng. Lấy ví dụ về nhãn môn. Khi một cảnh phản chiếu vào nhãn vật, 17 tâm trong một chuỗi lần lượt bắt đầu làm việc với nó (làm thành một tiến trình hay lộ).

Trước tiên, chúng ta mở cửa bằng tâm khai ngũ môn (***pañcadvārāvajjana***) là tâm hướng đến cảnh sắc hiện tại và kế đến nhãn thức (***cakkhuviññāṇa***) biết cảnh sắc ấy. Chúng ta tiếp nhận cảnh sắc bằng tâm tiếp thâu (***sampaṭicchana***), trong khi tâm thẩm tấn (***santīraṇa***) thực hiện việc điều tra.

Kế đến chúng ta xác định cảnh ấy là gì bằng tâm đoán định (***voṭṭhabbana***). Sau đó, chúng ta trải nghiệm cảnh bằng tâm đổng lực (***javana***) thường lướt đi bảy lần liên tiếp. Kế đến có tâm na cảnh (***tadārammaṇa***) - tựa như một dư vị của sự trải nghiệm - chúng ta lìa khỏi cảnh.

Đóng cửa là khi tâm hữu phần (*bhavaṅga citta*[7]) sanh, vì tuổi thọ của cảnh kết thúc[8]. Cảnh hiện tại tồn tại 17 sát-na tâm, là thời gian làm nên lộ nhãn môn (đối với một cảnh rất lớn).

Tâm như máy phát điện

---

[7] Nghĩa của từ là chi phần của hữu (bhava = hữu, sự sống + aṅga = chi, phần). Nên nó thường được dịch là "hữu phần".

[8] Đối với một lộ nhãn môn với một cảnh rất mạnh: Bh1 – Bh2 – Bh3 – Pañcadvāravajjana – Cakkhu-viññāṇa – Sampaṭicchana – Santīraṇa – Voṭṭhabbana – Javana1 – Javana2 – … – Javana7 – Tadārammaṇa1 – Tadārammaṇa2 – Bh – Bh – … Ở đây Bh is bhavaṅga (hữu phần).

Tiếp xúc với bên ngoài thông qua các giác quan như mắt, rồi tâm theo sau, đó là lộ ý môn. Đây là vì lộ ngũ môn ban đầu (giai đoạn đầu tiên) chỉ tiếp nhận cảnh.

Sau đó, sự suy nghĩ sinh khởi ở ý môn để nhớ lại những gì đã thấy. Đây là giai đoạn thứ hai sau khi mắt đã thấy cảnh. Chúng ta cần ít nhất ba lộ ý môn liên tiếp[9] để nhận ra cảnh ấy là gì (xem bảng bên dưới).

Bốn giai đoạn trong một hành động thấy

Giai đoạn	*Loại lộ*	*Những gì xảy ra*
Một	Nhãn môn	Cảnh xuất hiện ở nhãn xứ
Hai	Ý môn	Nhớ lại cảnh quá khứ
Ba	Ý môn	Đặt tên gọi của cảnh hay nắm bắt tên
Bốn	Ý môn	Nắm bắt nghĩa của cảnh hay biết cảnh

Cùng với lộ nhãn môn, nhóm bốn giai đoạn này chỉ cho một hành động thấy với 17 sát-na tâm của nó, đó là thực sự rất ngắn.

Chẳng hạn chúng ta nhìn thấy một quyển sách. Vào lúc sự chú ý của chúng ta bị kéo đến nó, 3 hữu phần (*bhavaṅga*) trôi qua. Sau khi xuất hiện ở nhãn môn, tuổi thọ của cảnh ấy kết thúc sau 17 sát-na tâm. Kế đến, một tiến trình khác

[9] Một lộ ý với một cảnh rất rõ: B – B – Manodvārāvajjana – Javana1 – Javana2 – ... Javana7 – Tadārammaṇa1 – Tadārammaṇa2 – B .... Trong trường hợp này Manodvārā-vajjana là tâm đang có mặt tại ý môn.

xuất hiện qua nhãn (môn) (không phải cùng một tiến trình).

Nếu chúng ta nhìn vào quyển sách trong năm phút, hành động nhìn được lặp đi lặp lại nhiều lần trong 5 phút ấy. Tiến trình danh pháp liên tiếp, chạy như một cuộn phim, từng cái một, không bao giờ xảy ra cùng một lúc.

Khi nghiệp (*kamma*) bắt đầu tích lũy

Một máy phát điện cần nhiều vòng để có được điện. Tâm cũng giống như vậy. Chỉ một vòng sẽ không đủ để cho chúng ta biết đó là một quyển sách mà chúng ta đang nhìn, bởi vì nó chỉ là sự khởi động. Chỉ ở lộ ý môn thứ ba, chúng ta mới biết rằng đó là một quyển sách.

Tiến trình tương tự đối với việc nghe âm thanh. Đối với một âm tiết, ít nhất cần bốn giai đoạn. Kế đến, các âm tiết được kết hợp để tạo ý nghĩa đầy đủ. Trước tiên nhĩ môn bắt lấy âm thanh. Kế đến, ở giai đoạn thứ hai, ý môn nhớ lại âm thanh. Tiếp theo, ý môn bắt lấy âm từ ở giai đoạn thứ ba. Chỉ ở giai đoạn thứ tư, chúng ta mới nhận ra ý nghĩa[10].

---

[10] Chẳng hạn, có người nói là "con chó - dog". (1) Chúng ta nghe thấy âm thanh của nó. (2) Chúng ta nhớ lại nó như một âm thanh quá khứ. (3) Tại thời điểm này, chúng ta bắt được từ và gọi tên nó. (4) Chỉ sau đó, chúng ta mới biết ý nghĩa: "con chó" đó là một động vật. Nếu chúng ta không biết tiếng Anh hoặc không bắt gặp từ này trước đây, sẽ không có sự nhận ra âm thanh đó. Trong trường hợp đó, tâm sẽ liên tục hỏi nó là gì, tìm kiếm ý nghĩa. Vì thế sẽ có một sự chậm trễ trong việc quyết định. Nếu chúng ta hiểu từ này ngay khi chúng ta nghe thấy, thì không có sự chậm trễ. Điều này là do chúng ta đã ghi nhớ và hình ảnh của con chó xuất hiện nhanh chóng.

Như vậy, ít nhất chúng ta cần bốn lộ tâm để nhận ra đó là một quyển sách chúng ta thấy hay âm thanh chúng ta nghe là ‘con chó’. Vì vậy, giai đoạn thứ tư là tiến trình quyết định khi chúng ta nhận ra cảnh hay ý nghĩa của nó là gì.

Bắt đầu ở thời điểm này và từ giai đoạn thứ năm trở đi tâm tham, sân và si (*lobha*, *dosa* và *moha*) xuất hiện, nói rằng: “Tôi thích-/-không thích cảnh đó.” Do vậy, đây là nơi nghiệp bắt đầu tích lũy.

Kamma – Nghiệp được chứa ở đâu?

Nghiệp tích lũy ở đâu trong ta? Nó ở lại trong não? Hay là nó được giữ trong tim? Nó chỉ được chứa ở một nơi phải chăng? Một số người nghĩ nó ở trong não vì đó là nơi được ghi giữ lại.

Chúng ta phải xem xét tại sao nghiệp không được giữ trong não. Bạn thấy đấy, âm thanh được lưu trữ trong một đĩa hay băng ghi âm. Khi đĩa ghi âm bị phá hủy hay hỏng, thì tất cả những âm thanh đó sẽ bị mất. Tương tự, nếu chúng ta bị mất não, thì nghiệp sẽ bị mất; nó cũng giống như khi chúng ta chết, vì não là sắc pháp. Trong một số trường hợp nào đó, chúng ta vẫn có thể còn sống nhưng được xem não đã chết. Rồi thì, nếu nghiệp được giữ trong tim và cần phải ghép tim, thì tình hình sẽ không được tốt. Như thế, nếu nghiệp được ghi lại ở những nơi như vậy thì chúng ta sẽ bị lạc mất.

Không dễ để giải thích nghiệp tích lũy ra sao vì nó không thể nhìn thấy được, là phi vật thể. Nhưng nó có thể được biết bằng tri thức. Như vậy, nghiệp tích lũy ở đâu? Nó nằm

trong tiến trình danh pháp. Bạn có thể nghĩ tâm chỉ tồn tại một sát-na sanh rồi diệt - không bao giờ trở lại lần nữa – theo sau sát-na tâm đã diệt ấy là một sát-na tâm mới. Bạn hỏi: "Như vậy, kamma cũng diệt mất hay chăng? Xem xét về ánh sáng đèn nến. Bằng việc dập tắt ngọn lửa, chúng ta có thể mang nó trở lại hay không? Không, nó đã ra đi mãi mãi, giống như ý thức. Vì thế, nếu nghiệp được chứa ở tâm thì nó cũng chỉ tồn tại một sát-na. Nhưng nó không biến mất hay bị thấy lạc.

Nghiệp đang diễn tiến

Tiến trình danh pháp không bao giờ giữ nguyên, vì tâm sanh và diệt không ngưng nghỉ[11]. Dù vậy, không có làm cho khác, không có sự dời đổi ở một nơi nào khác: một khi đã được tạo, nghiệp vẫn được thiết lập vững chắc. Dù vậy, nó không cố định hay bền bỉ. Từng tiềm lực đi tiếp từ tâm (*citta*) này sang tâm khác[12]. Một khi tâm trước đã diệt, nó để lại cho tâm theo sau nghiệp lực của nó. Lần lượt, nó chuyển tiềm lực này đến tâm thứ ba và v.v… Ngày nay, chúng ta thường vẫn nói rằng đây là sự diễn tiến về phần nghiệp vẫn còn trong tiến trình danh pháp.

Tâm (*citta*) 'Một' không trở thành tâm 'Hai'. Đó là vì tâm 'Một' đã diệt nên tâm 'Hai' có thể xuất hiện. Dù 'Một' và 'Hai' có liên quan, tâm 'Một' không trở thành tâm 'Hai'.

---

[11] Chỉ có hai trường hợp mà tiến trình bị tạm thời ngưng: trong thời gian nhập thiền diệt (nirodha samāpatti), chỉ bậc bất lai và vô sanh ứng cúng có thể đạt được; và chúng sanh tái tục ở cõi vô tưởng (*asañña satta*) của phạm thiên sắc giới (*brahma rūpāvacara*).

[12] Trong Paṭṭhāna (vị trí), đây là vô hữu (natthi), ly khứ (vigata), đẳng vô gián (samanantara) và vô gián duyên (anantara paccayo).

Vì tâm 'Một' đang hiện diện nên tâm 'Hai' không thể hình thành.

Quả chưa chín muồi

Theo Đức Phật, cũng tựa như quả và hạt, có cả nghiệp lực chưa chín muồi và chín muồi. Ngay khi nghiệp lực bắt đầu tích lũy, nó chưa chín muồi. Tựa như hạt của một quả chưa chín, nó không thể nảy mầm. Tiềm lực của nó vẫn còn tiềm ẩn trong tiến trình danh pháp. Theo thời gian nó phát triển. Hiểu sự tiềm ẩn ấy ra sao?

Khi chúng ta còn trẻ, chúng ta đi học. Bắt đầu từ đó, kiến thức của chúng ta không bị mất. Thay vào đó, nó tiếp tục phát triển, dù não của chúng ta không bị to hơn tí nào. Bắt đầu với ABC mà chúng ta đã học ở trường tiểu học, tính chất, phẩm chất của nó không bị mất mà vẫn giữ nguyên. Hay chúng ta có thể tiếp tục tiến lên đến đại học, để đạt học vị tiến sĩ như thế nào? Mỗi người trong chúng ta đều có phẩm chất riêng, không giống với những người khác. Nghiệp tựa như vậy. Nó vẫn giữ đặc tính trong tiến trình tâm của chúng ta, dựa trên những khuynh hướng theo thói quen của chúng ta.

Ví dụ, chẳng hạn chúng ta thường tức giận, đôi khi với ai đó hay một điều gì đó. Tư (*cetanā*) này trở thành nghiệp lực, tích lũy trong chúng ta, tiềm ẩn. Điều này trở thành một thói quen: sự tức giận sinh khởi lặp đi lặp lại, nó trở thành một khuynh hướng khi những ý nghĩ tức giận xuất hiện lặp đi lặp lại nhiều lần. Do đó, nó gia tăng tính chất thông qua sự tái diễn. Theo thời gian, nghiệp lực đạt đến sự chín muồi với sự trợ giúp của những duyên khác.

Những kiếp (*kappa*)[13] để hoàn thành pāramī (tròn đủ)

Về mặt tốt, hãy nhìn giác hành giả (*bodhisatta*) Sumedha trong một kiếp quá khứ. Từ khi nhận được lời tiên tri từ Đức Phật Dīpaṅkara rằng một ngày nào đó Ngài sẽ thành Phật ở vị lai, Ngài bắt đầu thực hiện pháp xả thí (*dāna pāramī*) của Ngài. Ngoài việc giữ cho "kí ức" tồn tại, làm sao những pāramī này có thể tích lũy cho Ngài để cuối cùng trở thành một vị Phật? Những pháp này vẫn giữ nguyên trong tiến trình danh pháp như một nghiệp lực, đi cùng với nó, chuyển từ tâm (*citta*) này sang tâm kế tiếp trong chuỗi liên tiếp vô số kiếp sống. Chúng vẫn diễn tiến từ ẩn sĩ Sumedha đến Phật Gotama cho đến khi các pāramī được hoàn thành. Tiềm lực đã được tích lũy suốt thời gian này cho thấy sự xuất hiện của đức Phật.

Xem xét bản thân: nếu không đi học trường tiểu học và trung học cơ sở thì bạn sẽ không có khả năng thi đậu trung học phổ thông. Không học ở trung học cơ sở và trung học phổ thông, bạn sẽ không có khả năng lĩnh hội những gì được dạy trong trường đại học. Như vậy, rõ ràng là những gì đạt được thì không bị mất. Theo cùng một cách, nghiệp vẫn còn giữ nguyên trong tiến trình danh pháp của bạn. Vào cuối kiếp sống này, nó sẽ tái diễn ở kiếp kế tiếp. Vào lúc tử ở kiếp kế tiếp, nó sẽ tiếp tục trong kiếp sống thứ ba. Trong quá trình chuyển tiếp liên tục, tiến trình này không bao giờ biến mất trong vòng luân hồi (*saṃsāra*).

---

[13] Chú thích của người dịch: kappa ; 1 . a world cycle (một chu kỳ thế giới); an aeon

Tư (*Cetanā*) – sự đốc thúc chính là nghiệp

Đức Phật tuyên bố rằng tư (*cetanā*) chính là nghiệp (*kamma*)[14]. Nhưng nhiều người ở Myanmar bị nhầm lẫn về ý nghĩa của '*cetanā*'. Khi nghĩ nó là thiện, nhiều người nói "tôi có '*cetanā*' khi nói đến việc làm phước, hay "tôi nói với *cetanā*". Nhưng tư không phải lúc nào cũng là tốt.

Nhiều người Myanmar chỉ hiểu sở hữu tâm này trên phương diện tốt, có lẽ do dựa vào những dịp thuyết pháp mà họ thường nghe "Oh, với tư (*cetanā*) mãnh liệt, việc xả thí (*dāna*) này được tiến hành". Khi '*cetanā*' được phối hợp với thiện (*kusala*), thì nó là thiện. Khi '*cetanā*' được phối hợp với bất thiện (*akusala*) thì nó trở thành bất thiện. '*Cetanā*' tự nó không thể được coi là tốt hay xấu, có phải chăng?

Rồi khi nhiều người nói về nghiệp tốt hay xấu của họ, nhiều người có lẽ không hay biết điều họ nói là '*cetanā*'- như Đức Phật dạy.

'*Cetanā*' thường được dịch là 'tác ý hay ý muốn'. Với kiến thức tiếng Anh của tôi và với sự trợ giúp của từ điển, tôi tìm thấy 'ý muốn' đó đi kèm với sự mong muốn làm. Tuy nhiên, '*cetanā*' không liên quan đến mong muốn. Thay vào đó, nó là 'tư' - tức sự cố quyết, đốc thúc. Tốt hơn là theo nghĩa đen, gần với nghĩa của từ hơn.

Tại sao Đức Phật chỉ rõ sở hữu tâm này chính là nghiệp? Khi chúng ta đang suy nghĩ về một điều gì đó, đó là nhờ

---

[14] Cetanāhaṁ bhikkave kammaṁ vadāmi. Nibbedha Bhagiya Sutta (hay Nibbedhika Sutta in English), Aṅguttara Nikāya.

sự cố quyết của tư (*cetanā*). Trong khi nói năng, chính là nhờ sự đốc thúc của tư (*cetanā*) mà chúng ta có thể làm như vậy.

Như đối với những hành động qua thân của chúng ta, do vì sự đốc thúc của tư (*cetanā*) nên chúng ta có thể làm như vậy. Những hành động qua khẩu và thân mà không có sự cố ý thì không phải là nghiệp. Chỉ có sự cố ý, cố quyết hành động mới tích lũy nghiệp. Vì lý do này, tư (*cetanā*) rất quan trọng và phận sự của tư cần phải được hiểu.

Tư (*cetanā*) như người quản lý sắp xếp và làm cho mạnh mẽ

Tư (*cetanā*) là 1 trong 7 sở hữu tâm biến hành[15] được tìm thấy trong tất cả tâm (*citta*). Bảy bất ly này làm thành nồng cốt cơ bản nhất (và yếu nhất) của tâm có thể bắt lấy một cảnh. Phận sự của phần danh pháp này chỉ là vừa đủ nhận biết cảnh.

Các sở hữu tâm (*cetasika*) tương ưng khác trong nhóm này là xúc (*phassa*) là pháp xúc chạm cảnh; và thọ (*vedanā*) lãnh nạp, hứng chịu vị của cảnh. Khi ấy có tưởng (*saññā*) làm dấu nó cho sự nhớ xem xét ở vị lai. Với nhất hành (*ekaggatā*) tâm chỉ có một cảnh. Danh mạng quyền (*jīvitindriya*) duy trì, gìn giữ, làm cho chúng tồn tại. Tác ý (*manasikāra*) là sự chú ý, giữ tâm hướng đến cảnh. Như vậy, mỗi sở hữu tâm có mỗi phận sự khác nhau, tuy vậy tất cả đều cùng hoạt động hòa hợp với nhau như 8 trong 1 (bao gồm cả tâm - *citta*).

---

[15] Aññasamāna cetasika (sở hữu tợ tha) phối hợp với tất cả tâm (citta).

Về phần tư (*cetanā*), nó đóng một vai trò kép. Trước tiên, nó có khả năng tập hợp những danh pháp khác lại với nhau. Ngày nay, chúng ta có thể so sánh tư với một người tổ chức hay người quản lý phải quan sát nhân viên của mình làm việc trong khi thực hiện phận sự của riêng mình. Bằng cách tập hợp những danh pháp khác lại với nhau và qua sự hộ trợ của tư, tư (*cetanā*) khiến cho nhiều việc được hoàn thành hơn (Ví dụ, nó đẩy tham - *lobha* thành ái, sân - *dosa* thành tức giận và si - *moha* trở nên mù quáng.)

Chỉ khi ấy mới có một tiềm lực chung. Đây là do khả năng khác của tư (*cetanā*) làm mạnh mẽ và tích lũy tiềm lực. Nó tập hợp và xây dựng tiềm lực của tất cả các pháp tương ưng trong lúc xây dựng nên sức mạnh của riêng nó. Bằng cách này, nó dần trở thành nghiệp khi sức mạnh của nó được đầy đủ. Do vậy, nó có thể trợ sanh quả của nó. Trong khi làm như vậy, điều gì xảy ra? Ý hay ý nghiệp (*mano-kamma*), khẩu nghiệp (*vāci-kamma*) hay thân nghiệp (*kāya-kamma*) sanh khởi.

Như vậy, không có tư (*cetanā*) tập hợp những danh pháp khác lại với nhau thì không có tiềm lực. Nhưng một khi tất cả được tập hợp lại với nhau, quả là sức mạnh trợ giúp cho sự cử động và việc làm: ý nghĩ, lời nói và hành động. Đây là nghiệp.

Tuy vậy, dù nghiệp thực sự có nghĩa là hành vi, nó không chỉ là hành vi thôi mà đúng hơn là sự đốc thúc ở đằng sau nó. Theo cách này, chúng ta có ý tưởng tham gia một khóa tu quán minh sát (*vipassanā*) 10 ngày. Một kẻ trộm có ý tưởng thực hiện một hành vi trộm cắp. Do đó, tư (*cetanā*) đốc thúc hành động. Như thế, nghiệp là nhân và hành vi là

quả. Ai gây ra nó? Đó là tư (*cetanā*). Đó là lý do tại sao Đức Phật tuyên bố tư (*cetanā*) chính là nghiệp.

Cetanā – Tư nào? *Kamma* – Nghiệp nào?

Mỗi ngày, ai là người đốc thúc chúng ta nghĩ ngợi, nói năng, lập kế hoạch và làm điều gì đó? Đó là tư (*cetanā*) thông qua sự cố quyết của nó. Bằng cách đốc thúc các sở hữu tâm khác, sinh lực của chúng tăng. Do đó, chúng thực hiện phận sự tốt hơn. Phụ thuộc vào điều này, phúc và họa sinh khởi. Ví dụ tham (*lobha*), sân (*dosa*) hay si (*moha*) dẫn đầu thì nghiệp bất thiện hình thành. Nếu vô tham (*alobha*), vô sân (*adosa*) hay vô si (*amoha*) cai quản thì nghiệp tốt sanh.

Như vậy, hai loại nghiệp có thể được phân biệt nhận ra. Tương tự, hai loại tư (*cetanā*) có thể được nhận biết tùy thuộc vào loại tâm nó liên kết với.

Tư khác thời và tư đồng sanh (*Nānākkhaṇika-cetanā* & *sahajāta-cetanā*)

Một loại là tư khác thời (*nānākkhaṇika-cetanā*)[16], đó là tư (*cetanā*) của một lúc hay thời gian khác. "Khác" nói đến khoảng sát-na khi tư (*cetanā*) là nghiệp xuất hiện khác với lúc nghiệp sản sanh quả của nó. Hai sát-na không giống y hệt nhau như khi nghiệp quả xuất hiện ở một sát-na khác. Đôi khi nó có thể là ngay sau như trong đạo - quả (*magga-phala*): sát-na trước là đạo (*magga*); sát-na kế sau là quả

[16] Nānā = khác, khaṇa = sát-na, thời. Như vậy, nānākkhaṇika nghĩa là "khác sát-na, khác thời".

(*phala*). Vào lúc khác, nó có thể cách nhau hàng kiếp (*kappa*). Chẳng hạn trong nhiều kiếp trước đây trong luân hồi (*saṃsāra*), chúng ta phạm tội sát sanh. Nghiệp theo chúng ta, gây ra đau bệnh và thậm chí là hoạnh tử hay phi thời tử.

Điều gì sẽ xảy ra nếu quả là trong hiện thời? Nếu nghiệp bất thiện cho quả trong hiện thời thì mọi người sẽ sợ việc làm sai. Về phần những nghiệp thiện, giả sử có một thí chủ tạo thiện xả thí (*dāna*) có thể làm cho tái tục ở cõi trời. Vào lúc xả thí, vị ấy không nguyện làm người nhân loại nữa vì vị ấy nguyện trở thành một vị trời. Đó là nếu tư (*cetanā*) cho quả trong hiện thời. Điều đó có nghĩa là trong khi bạn đang hành trì giới (*sīla*), vào khi ấy bạn bắt đầu trở thành một vị trời ngay tại đó và về sau.

Như vậy tư khác thời (*nānākkhaṇika-cetanā*) hay nghiệp cho quả của nó vào lúc này hay lúc khác. Đây là loại tư (*cetanā*) phối hợp với thiện (*kusala*) hay bất thiện (*akusala*). Là những tư (*cetanā*) tốt và xấu, do đó chúng trợ sanh quả của chúng một khi sức mạnh của chúng đã được hoàn toàn tập họp lại. Đây là nghiệp mà chúng ta có ý định nói về nghiệp thiện và ác được thực hiện. Đây là loại đã ném chúng ta từ kiếp sống trước đến kiếp sống hiện tại này của chúng ta.

Loại nghiệp hay tư (*cetanā*) khác là biến hành thông thường được tìm thấy ở mỗi tâm (*citta*). Không như tư khác thời (*nānākkhaṇika-cetanā*), nó không phải là loại mà mọi người ám chỉ khi họ nói: “Ồ, tất cả đều y theo nghiệp”. Đồng sanh với các sở hữu tâm tương ưng với nó, nó tập hợp chúng lại với nhau. Với sức mạnh của nó, nó

đốc thúc chúng bằng tiềm lực, trong khi thực hiện phận sự riêng của mình là tích lũy sức mạnh. Gọi là tư hay nghiệp câu sanh (*sahajāta-cetanā hay sahajāta-kamma*)[17], nó không phải là loại trợ cho sanh một pháp nào đó như là quả, vì nó phối hợp với những tâm (*citta*) thông thường khác.

Tư (*cetanā*) nào là nghiệp?

Tư (*cetanā*) nào mà Đức Phật muốn nói trong các bài giảng của Ngài về nghiệp? Khi Ngài tuyên bố rằng tư (*cetanā*) chính là nghiệp[18], đó là tư khác thời (*nānākkhaṇika-cetanā*) mà Ngài muốn nói. Trong kinh (*sutta*) chỉ có tư (*cetanā*) phối hợp với những tâm (*citta*) thiện (*kusala*) và bất thiện (*akusala*) được gọi là nghiệp. Do vậy, chẳng hạn khi đức Phật dạy rằng: nghiệp là một tài sản hay của thừa kế duy nhất của riêng mình, nghiệp kể đến là nghiệp dị thời (*nānākkhaṇika-kamma*). Vậy thì nếu bạn đã tra cứu pháp liên quan tương sinh (*Paṭicca-samuppāda*) ở mục hành duyên thức (*saṅkhāra paccayā viññāṇa*), ở đó hành (*saṅkhāra*) là nghiệp dị thời (*nānākkhaṇika-kamma*).

Tuy nhiên, trong bộ vị trí (*Paṭṭhāna*) của tạng Abhidhamma, tất cả tư (*cetanā*) đều được xem là nghiệp, bất kể sự phối hợp của chúng với tâm (*citta*) - ngay cả với những tâm quả (*vipāka*) và tố hay duy tác (*kriya citta*). Như vậy, tư đồng sanh (*sahajāta-cetanā*) cũng được bao gồm. Điều này như vậy là vì cùng loại, tư đồng sanh

---

[17] Saha = câu, cùng nhau, jāta =sanh; như vậy, sahajāta nghĩa là "câu sanh".
[18] Nibbedha Bhāgiya Sutta, Aṅguttara Nikāya.

(*sahajāta-cetanā*) cũng có tiềm lực trong khả năng cho quả cũng như tư khác thời (*nānākkhaṇika-cetanā*).

Cây tư (*cetanā*) hay nghiệp liên tục ra quả

Như vậy, như một cây liên tiếp trổ quả, chúng ta thực hiện vô số hành vi qua ý, khẩu và thân. Như quả có nhiều hạt, những hành vi của chúng ta mang hạt giống nghiệp. Với sự trợ giúp của các duyên, chúng có thể phát triển và nảy mầm.

Tiềm lực tái sản sinh nằm ở đâu trong một cây? Nó chỉ được tìm thấy trong quả và hạt. Chúng ta tìm ra nhiều phần khác nhau phát triển từ hạt giống: như rễ, thân, cành, lá, hoa và quả. Nhưng khả năng tái sản sinh không nằm ở những phần này ngoại trừ quả và hạt.

Ngoại trừ tâm đổng lực (*javana*), tất cả các tâm (*citta*) khác tham gia vào lộ tâm (*citta-vīthi*) như khai ngũ môn (*pañcadvārāvajjana*), nhãn thức (*cakkhu-viññāṇa*) và tiếp thâu (*sampaṭicchana*) có thể được ví như những phần khác nhau của cây, đó là lá, rễ, thân, v.v… Tuy nhiên, tiềm lực tái sản sinh chỉ được tìm thấy trong hạt mà không ở các phần khác. Tương tự như vậy, nghiệp lực tái sản sinh chỉ tập hợp ở tư (*cetanā*) của các đổng lực (*javana*). Tư (*cetanā*) của những tâm khác thiếu nghiệp lực này, là pháp có thể trợ cho sanh một kiếp sống mới. Ví dụ: tư (*cetanā*) ở khai ngũ môn (*pañcadvārāvajjana*) hay nhãn thức (*cakkhu-viññāṇa*) không thể tích lũy sức mạnh, là nghiệp đồng sanh (*sahajāta-kamma*).

Theo Chú giải[19], tư (*cetanā*) thực hiện phận sự tích lũy của nó chỉ khi nó phối hợp với những tâm thiện (*kusala*) và bất thiện (*akusala*) mà không phải những loại khác, như quả (*vipāka*) và tố (*kriya*). Chỉ khi ấy, nó mới được gọi là nghiệp vì nó có khả năng tập họp tiềm lực lại đầy đủ. Như nghiệp, nó có khả năng sản sinh quả của nó, ví dụ như tái tục. Do vậy, với sự đốc thúc mạnh mẽ của tư (*cetanā*) vào lúc các đổng lực (*javana*) sinh khởi - thì ở đây nghiệp được thiết lập.

Tâm quyết định kiếp sống của chúng ta

Tại sao tư (*cetanā*) chỉ tập hợp tiềm lực với những tâm thiện (*kusala*) và bất thiện (*akusala*)? Chú giải không đưa ra lý do tại sao. Vì những đổng lực (*javana*)[20] phần lớn là thiện và bất thiện, đó là nơi nghiệp có thể tích lũy.

Mỗi khi chúng ta thấy một cảnh, lộ trình tâm sinh khởi. Nó cũng tương tự đối với sự nghe, sự ngửi, sự nếm, sự xúc chạm hay sự nghĩ ngợi cảnh xâm chiếm chúng ta qua sáu môn. Trong tiến trình danh pháp theo sau, hữu phần (*bhavaṅga*) không bao giờ hoạt động với cảnh mới nào bởi vì nó đã có cảnh riêng của nó. Khai ngũ môn (*pañcadvārā-vajjana*) làm pháp mở cửa, chẳng phải là nghiệp cũng chẳng phải là quả của nghiệp. Nhìn để thấy ai là khách, nhãn thức (*cakkhu-viññāṇa*) là nghiệp quả. Tâm tiếp thâu (*sampaṭicchana*) cũng là quả của thiện (*kusala*) và bất thiện (*akusala*), tựa như tâm thẩm tấn (*santīraṇa*). Tâm

[19] Aṭṭhasālinī.

[20] Tôi thường gọi nó là "tâm động lực" hay "tâm đổng lực".

đoán định (*voṭṭhabbana*) chẳng phải là thiện (*kusala*) hay bất thiện (*akusala*) và cũng chẳng phải là nghiệp quả. Khi nó diệt, tâm (*citta*) gì sẽ sinh khởi? Đó là tâm đổng lực (*javana*). Trong tiến trình tâm, đó là một giai đoạn rất quan trọng.

Những tâm (*citta*) trước, đó là khai ngũ môn (*pañcadvārāvajjana*), nhãn thức (*cakkhu-viññāṇa*) và v.v… vận hành tự nhiên tùy theo duyên - không thể làm gì về chúng. Chỉ có tâm đổng lực này mới trải nghiệm cảnh, là tâm mạnh mẽ, không như những tâm còn lại, tâm đổng lực (*javana citta*) cũng ra quyết định cuối cùng về cảnh: đó là đẹp, xấu, v.v... Nếu nó tìm thấy thứ gì đó đáng ao ước, nó nói: "Nó rất đẹp. Tôi muốn nó."

Như tia chớp

Khả năng đạt được sức mạnh hay sức đẩy tới, những tâm đổng lực (*javana*) không như những tâm (*citta*) khác. Chúng ta có thể so sánh sự dâng lên tiềm lực của chúng với tia chớp. Điểm quan trọng không phải là liệu những đổng lực (*javana*) có nhanh hơn những tâm còn lại hay không. Nhanh hơn hay chậm hơn - tất cả tâm đều như nhau đối với các tâm. Theo ngài Ledi Sayadaw, chúng là những tâm có thể đạt một lực đốc thúc chú ý đến cảnh.

Xem xét điều gì xảy ra khi mắt nhìn thấy một vật nào đó nó thích. Sự dính mắc hay ham muốn dâng trào. Đây là sự đốc thúc của những đổng lực tham (*lobha javana*). Đối với một cảnh bất khả ái, có sự đột ngột sanh lên sự căm hờn hay ghét của những đổng lực sân (*dosa javana*). Tùy theo

như lý tác ý hay phi như lý tác ý, những tâm đổng lực thiện hay bất thiện sanh khởi.

Ví dụ, khi nhìn thấy một bông hoa, một người có thể nghĩ "Thật là một bông hoa dễ thương! Ta có thể cài nó trên tóc. Nó cũng sẽ trông xinh đẹp trên bàn ăn." Loại ý nghĩ này là do đổng lực tham (*lobha javana*) sinh khởi. Đối với người khác, ý nghĩ sẽ không theo cách này. Thay vào đó là "Hoa đẹp làm sao! Tôi sẽ dâng hoa tại bàn thờ Phật." Cân nhắc bằng cách này cho thấy sự dâng trào của những đổng lực thiện (*javana kusala*). Những tư (*cetanā*) phối hợp với chúng có thể trợ sanh quả của chúng vào lúc tụ họp đầy đủ tiềm lực.

Nhân ủng hộ

Như vậy, với phi như lý tác ý (*ayonisomanasikāra*), đổng lực tham (*lobha javana*) là trạng thái chấp cứng cảnh, hay đổng lực sân (*dosa javana*) là trạng thái phẫn nộ, hung tợn, hung dữ có thể sanh. Ngoài ra, khi không biết thực tính của cảnh thì có hiện diện tính mù quáng của đổng lực si (*moha javana*). Ba nhân bất thiện (tham, sân và si) cũng như những nhân thiện vô tham, vô sân và vô si, ủng hộ mạnh mẽ vì sự vắng mặt của chúng, tiềm lực không thể còn giữ nguyên. Điều này nghĩa là chúng là những nhân duyên[21]. Vì những lý do như vậy, nghiệp lực chỉ có thể tập họp ở những đổng lực thiện (*kusala javana*) và bất thiện (*akusala*).

[21] Nhân duyên (Hetupaccayo). Trong Paṭṭhāna, một duyên như vậy củng cố trạng thái bị trợ tạo của nó.

Tuy nhiên, nó không tích lũy trong quả (*vipāka*) và những đổng lực tố (*kriya javana*) dù là vô tham (*alobha*), vô sân (*adosa*) và vô si (*amoha*) cũng được tìm thấy trong những tâm đại quả (*mahāvipāka citta*) và đại tố (*mahākriya*). Do đó, tư (*cetanā*) không thể vẫn còn nguyên nghiệp lực khi nó được phối hợp với những tâm như vậy.

Nhân trong những tâm quả (vipāka citta) và tâm tố (kriya) khác nhau phải chăng?

Vô tham, vô sân và vô si ở những tâm đại quả (*mahāvipāka citta*) và tâm tố (*kriya*) không giống như ở những đổng lực thiện (*kusala javana*) và bất thiện (*akusala*). Tại sao nó như vậy? Liên quan đến tâm đại quả (*mahāvipāka citta*), điều này là vì nó chỉ là quả của đại thiện (*mahākusala*). Do vậy, nó không thể chủ động, chỉ là một ảnh phản chiếu. Theo Chú giải, tâm đại quả (*mahāvipāka citta*) không mạnh mẽ và thuộc dạng bị động. Như sự phản chiếu trong gương, nó không thể bị thay đổi. Thậm chí tư (*cetanā*) phối hợp với ba nhân thiện của những tâm (*citta*) không thể tích lũy nghiệp lực.

Kế đến, chúng ta hãy xem xét về tâm đại thiện (*mahākusala citta*). Khi nó sinh khởi trong chúng ta, nó là đại thiện (*mahākusala*). Khi nó sinh khởi trong những bậc Ưng cúng vô sanh (*arahant*) nó được gọi là tâm đại tố (*mahākriya citta*). Tại sao tư (*cetanā*) không thể tích lũy nghiệp lực ở đổng lực đại tố (*mahākriya-javana*)? Chú giải so sánh tâm (*citta*) này với một cây đang trổ hoa mà rễ của nó đã bị cắt đứt. Nếu vậy, hoa có thể phát triển thành quả hay không? Không, chúng không thể ra quả được nữa. (Nếu rễ còn nguyên, chúng có thể.) Theo cách tương tự,

trong tâm những bậc Ứng cúng vô sanh (*arahant*), những nhân tham (*lobha*), sân (*dosa*) và si (*moha*) đã bị đoạn trừ. Những đổng lực đại tố (*mahākriya-javana*) của các ngài như những bông hoa của một cây bị đứt rễ. Do đó, tư (*cetanā*) của những tâm (*citta*) này không thể tập hợp tiềm lực của nghiệp.

Đây là những gì tôi nghĩ vì Chú giải không đưa ra sự giải thích nào ngoại trừ tư (*cetanā*) phối hợp với thiện (*kusala*) và bất thiện (*akusala*) tích lũy tiềm lực. Trong chúng ta, chúng ta có những căn thiện và ác trong tiến trình danh pháp của mình. Không như những bậc Ứng cúng vô sanh (*arahant*), chúng ta vẫn cứ liên tục tích lũy nghiệp lực trong dòng đổng lực (*javana*).

2/ Kamma - Nghiệp Là Hành Vi Do Sự Cố Quyết

Nói dối được hoàn thành ra sao

Thân và khẩu là nguyên nhân của những nghiệp tương ứng qua thân và khẩu. Cả hai đóng vai trò là môn hay cửa cho nghiệp hiện ra. Như vậy, nghiệp sanh từ thân và khẩu biểu tri[22]. Khi chúng ta cố quyết hành động hay nói năng, đó là thân nghiệp (*kāya kamma*) và khẩu nghiệp (*vāci kamma*)[23].

Dù khẩu được bao gồm trong thân, nhưng nó đặc biệt. Ngay cả khi việc nói dối bằng thân chuyển động là có thể xảy ra, nó được thực hiện đặc biệt qua khẩu. Do đó, vì nói dối chủ yếu bằng lời nói, nên nó được coi là một pháp trung gian ngoài thân.

Mặc dù có bốn loại khẩu nghiệp bất thiện (xem chú thích bên dưới) nhưng chúng ta chỉ thảo luận về việc nói điều giả dối.

Một hành vi đầy đủ của nghiệp

Chính vì tư (*cetanā*) mà chúng ta nói dối. Lấy ví dụ, ái sinh khởi trong chúng ta và chúng ta nói dối. Như vậy, nói dối (*musāvādā*) là một khẩu nghiệp do tư. Do đó, có hai hiện tượng: trước tiên là tư (*cetanā*), tiếp theo là một khẩu

---

[22] Thân (kāya) và khẩu biểu tri (vāci viññatti), ở đây "viññatti" nghĩa là biểu thị cho biết.

[23] Có ba loại thân nghiệp bất thiện (akusala kāya kamma): sát sanh (pāṇātipātā), trộm cắp (adinnādāna) và tà dâm - quan hệ tình dục bất hợp pháp (*kāmesumicchācārā*). Bốn nghiệp về khẩu (*vāci*): nói dối (*musāvādā*), lời nói lời đâm thọc làm chi rẽ một tình bạn (*pisuṇavācā*), nói lời độc ác (*pharusavācā*) và nói lời nhảm nhí (*samphappalāpā*).

nghiệp. Như Đức Phật đã tuyên bố, đó là tư thuộc về khẩu nghiệp (*vāci kamma*). Lý do điều này như vậy là vì tư nên khẩu nghiệp về nói dối xảy ra.

Vì lý do đó, theo Phật giáo, nó nói đến nhân chớ chẳng phải quả. Chúng ta cần xem xét nó theo cách này: tư hay sự cố quyết là nhân; nói dối là quả. Nếu không có tư thì nói dối không xảy ra.

Do đó, khẩu nghiệp (*vāci kamma*) đề cập đến nhân. Điều gì sẽ xảy ra nếu quả không xảy ra dù tư cố quyết nói dối? Trong trường hợp đó, nó không phải là khẩu nghiệp (*vāci kamma*). Bạn có thể bị thúc đẩy để nói lời không thật nhưng bạn không tiến hành. Chỉ với tư mà không nói dối; điều này không được gọi là khẩu nghiệp (*vāci kamma*). Nó không hội đủ hành vi nói dối.

Nếu chỉ tư trợ tạo một lời nói dối - đây là khẩu nghiệp (*vāci kamma*). Như vậy, tư đưa đến sự nói dối được gọi là khẩu nghiệp (*vāci kamma*). Theo kinh văn, nghiệp (*kamma*) này được gọi là nghiệp đạo (*kamma-patha*)[24] hay nghiệp (*kamma*) đó là nghiệp đã phát triển đầy đủ.

Hai bước trong việc nói dối

Chỉ vào sát-na có sự cố quyết mới có thể được gọi là nghiệp. Vì nó vẫn phải trợ sanh sự nói dối, nó chưa phải là nghiệp đạo (*kamma-paṭha*). Như vậy, tư thì ở một sát-na, nói dối thì ở sát-na khác. Chúng ta có thể có tư (có thể được gọi là nghiệp). Nhưng nếu lời nói dối không được nói ra, thì nó không thể gọi là nghiệp đạo (*kamma-paṭha*).

---

[24] Patha = đạo hay con đường. Như vậy, kamma-patha = nghiệp đạo.

Hầu hết mọi người không phân biệt được giữa nghiệp và nghiệp (*kamma*) phát triển đầy đủ, chỉ những ai nghiên cứu kinh văn như Abhidhamma là pháp làm cho sáng, rõ hai điều này. Khi tư gây ra sự nói dối, nó có nghĩa là nghiệp nói dối (*musāvādā*) đang diễn tiến.

Cần phải có ba bước để không nói dối

Hành vi đối lập là tránh xa sự nói dối (*musāvādā*). Trong trường hợp này đó là thiện (*kusala*). Tương tự, tư sanh trước tiên - chưa nói dối. Để tránh xa sự nói dối: chỉ khi không có một hành vi trở thành nghiệp đạo (*kamma-patha*). Cố ý tránh xa sự nói dối là một khẩu nghiệp thiện. Khi ấy, không có hành vi bị cuốn vào, chỉ đơn giản là ngăn giữ lại lời nói. Vì lẽ rằng nó liên quan đến khẩu, nên nó được gọi là khẩu nghiệp (*vāci kamma*). Đây là vì giữ im lặng, là hành vi *không* dùng khẩu.

Tiếp theo, giai đoạn thứ ba là nói sự thật, một nghiệp thiện. Trước tiên, cố quyết không nói dối thì ở một sát-na, tránh xa việc nói sai sự thật thì ở sát-na khác. Sau đó thì nói sự thật là nghiệp thiện (*kusala kamma*) được phát triển.

Do đó, tư hay sự cố quyết là chìa khóa, vì nó đưa đến việc không chỉ nói dối mà là tất cả các dạng hành vi sai trái. Chẳng hạn, khi sân sinh khởi sẽ có lời nói sỉ nhục, chửi rủa. Sau đó, một người muốn thân hành động qua thân: làm tổn thương hoặc giết hại.

Trong việc gây ra sự chết: ai phạm tội?

Vào năm 1991 trong một chuyến thăm Malaysia, tôi được một người phụ nữ kể rằng cô ấy cảm thấy hối hận vì mình mà mẹ cô đã chết trong bệnh viện. Mẹ cô đã xin một ít nước để uống. Thế là người phụ nữ đưa cho bà một cốc nước. Khi đang uống nước, mẹ của cô bị nghẹn, không thể thở được và bà qua đời. Người con gái cảm thấy chịu trách nhiệm gây ra cái chết của mẹ mình.

Thế là tôi đã hỏi khi ấy ý định của cô tính làm là gì. Cô ấy không muốn mẹ cô chết: tâm của cô ấy trong sạch.

Ý định tính làm quan trọng hơn hành vi. Nếu không có động cơ để giết thì không có phạm tội. Đức Phật đã đưa ra một phép so sánh tương tự rõ ràng: nếu bàn tay của bạn không bị thương, dù bạn dùng tay để chạm vào chất độc, thì nó không bị ảnh hưởng. Ý nghĩa là nếu tâm trong sạch, dù một người có gây ra cái chết của một ai đó thì vị ấy vẫn vô tội.

Tiếp theo hành vi của người phụ nữ, cái chết của mẹ cô đã xảy ra. Nhưng cô không muốn gây ra nó. Do vậy, cô không chịu trách nhiệm. Trong một hành vi không cố ý khi không có ý định giết thì không tạo nghiệp sát.

Sát sanh là một hành vi đầy đủ của nghiệp

Ý muốn giết thì ở sát-na trước, sau đó thân hành động đoạt lấy mạng quyền trở thành nghiệp đạo (*kamma-patha*) đầy đủ. Tuy nhiên, để tích lũy nghiệp ở kẻ giết người phải hội đủ năm chi phần. Trước tiên, phải có một chúng sanh có sự sống (mạng quyền). Thứ hai, người này biết rằng nạn nhân còn sống. Thứ ba, phải có sự cố ý giết. Thứ tư, có

hành vi thực hiện gây ra cái chết của nạn nhân. Thứ năm, cái chết phải xảy ra sau đó.

Nếu năm duyên này đầy đủ thì nghiệp tích lũy trong người chịu trách nhiệm. Nhưng nếu nạn nhân không chết thì nó không phải là một hành vi đầy đủ của nghiệp. Đối với một hành vi không có ý định gây ra cái chết, đó không phải là nghiệp. Để kiểm tra, năm điểm phải được xem xét, từng cái một: ví dụ một người ở trong rừng. Anh ấy nhầm một cái gì đó (như một bụi cây) là một chúng sanh có sự sống. Thế là anh ta cố gắng giết nó. Thậm chí sân có thể sinh khởi trong anh ta. Tuy nhiên, đó không phải là hành động về thân thuộc nghiệp sát sanh (*pāṇātipātā kamma*) chỉ là vì chi phần đầu tiên không có ở đó.

Về chi phần thứ hai: mặc dù chúng sanh còn sống, anh ấy nghĩ nó không phải là một chúng sanh hữu tình. Dù anh ta cố gắng tiêu diệt nó, đó cũng không phải là hành động về thân thuộc nghiệp sát sanh. Như vậy để sát sanh (*pāṇātipātā*) xảy ra, phải có năm chi phần.

Đưa ra lệnh hay tuân theo lệnh sát

Nếu có đủ năm chi phần hiện diện, thì có nghiệp đã được tạo đối với người đưa ra lệnh hay xúi giục việc sát. Người đứng đầu một quốc độ đưa quân đội để chiến đấu và giết có thể là vô tội dưới góc độ pháp luật. Nhưng theo luật tự nhiên, ông ta không thể thoát khỏi trách nhiệm. Trong trường hợp làm cho người mắc bệnh nan y chết một cách nhẹ nhàng, bệnh nhân yêu cầu tiêm thuốc tự tử, không muốn khổ thêm nữa. Nếu bác sĩ đồng ý làm theo thì vị ấy cũng có trách nhiệm y như bệnh nhân. Điều gì sẽ xảy ra

nếu vị ấy cho bệnh nhân thuốc để cứu mạng bệnh nhân nhưng nó lại gây ra cái chết? Trong trường hợp này bác sĩ không chịu trách nhiệm về sự sai lầm.

Rồi, những người chỉ đang thực hiện mệnh lệnh giết thì sao? Hãy xem xét trường hợp của tên đao phủ của vua trong thời Đức Phật.

Đao phủ Tambadāṭhika

Trong quãng thời gian năm mươi năm, ông ta đã giết những người bị vua kết án tử. Bây giờ, lúc tuổi già, ông ta tình cờ gặp tôn giả Sāriputta. Việc nhìn thấy một nhà sư đem đến cho Tambadāṭhika rất nhiều niềm tin (*saddhā*) nên ông ấy dâng cho ngài cơm sữa mà ông ấy định ăn. Sau đó, tôn giả Sāriputta đã thuyết giảng Pháp cho ông ta.

Trong khi ấy, chuyện gì đã xảy ra trong tâm Tambadāṭhika? Những người từng sát sanh thường sẽ không có khả năng hiểu kịp Pháp thoại. Tâm của ông ấy bồn chồn, không yên và lo lắng với ý nghĩ: "Ta đã đi theo con đường riêng này trong cuộc đời của ta."

Lúc này, tôn giả Sāriputta đã đánh giá tình hình. Ngài dừng thời nói pháp của mình để hỏi: "Dāyaka[25], ông đang nghĩ về điều gì mà làm cho ông lo lắng?"

"Trong nhiều năm, tôi đã đẩy nhiều người đến cái chết. Nghe pháp (*dhamma*) không giúp ích gì cho tôi."

Rồi tôn giả hỏi: "Những ai bị xử tử do ông muốn hay chăng?"

"Không, đó là do vua đã đưa ra lệnh."

[25] Người cho, người ủng hộ.

"Trong trường hợp ấy, nếu ông đã làm như vậy theo lời yêu cầu của ai đó, ông có phải chịu trách nhiệm hay chăng?"

Nghe điều này, Tambadāṭhika cảm thấy dường như một gánh nặng (của trách nhiệm) đã tan biến khỏi ngực ông. Ông ấy nghĩ với một cảm giác nhẹ nhõm: "Phải đó. Ta đã xử tử những người đó vì ta bị ra lệnh - không phải điều ta muốn."

Ông ta cho là sẽ không có tội lỗi trong việc giết hại theo mệnh lệnh của người khác. Trên thực tế, ngay cả theo mệnh lệnh của một ai khác, hành vi sát hại là đáng trách. Cho dù tự bạn chủ động giết hay giết theo mệnh lệnh của người khác thì nó vẫn như nhau.

Vào lúc này, Tôn giả Sāriputta tiếp tục bài giảng của ngài. Lưu ý rằng, Tôn giả đã không nói rằng không có tội lỗi. Tuy nhiên, bằng cách đưa ra câu hỏi này của ngài, sự ngộ nhận không có tội lỗi đã sanh trong tâm của Tambadāṭhika, làm dịu tâm xuống. Bây giờ, với một tâm yên tĩnh, ông ấy có thể nghe hiểu kịp và nắm bắt pháp (*dhamma*), đến mức độ mà ngài đã đạt được chánh kiến bao gồm minh sát (*vipassanā sammādiṭṭhi*), chánh kiến thuận theo sự thật (*saccānulomika sammādiṭṭhi*)[26].

Người ăn thịt có phạm tội sát sanh (*pāṇātipātā*) hay không?

Nếu ai đó đã ăn cá và thịt, việc làm này có được xem là sát sanh (*pāṇātipātā*) hay không? Trong đạo Jain, người ăn

[26] Vào lúc tử, ông được tái tục vào cõi trời.

thịt thì cũng có trách nhiệm. Điều này nghĩa là người đồ tể và người ăn thịt đều có dự phần tội lỗi 50-50. Ý kiến của bạn thế nào?

Nếu bạn nghĩ những người không ăn chay phạm tội tước đoạt sinh mạng, thì chúng ta cũng cần xem xét trường hợp của các nhà sản xuất vũ khí. Những vũ khí mà họ sản xuất làm cho người khác có thể phạm tội sát. Tuy vậy, ngày nay chỉ những kẻ giết người phải đối mặt với tội tử hình, chứ không phải những người sản xuất vũ khí. Họ có chịu trách nhiệm về pháp lý như kẻ giết hay không? Luật pháp không bắt họ phải chịu trách nhiệm, không như những người sử dụng sản phẩm của họ để giết người khác. Trong trường hợp đó, vậy tại sao người không ăn chay bị bắt phải chịu trách nhiệm về cái chết của cá và các động vật họ tiêu dùng?

Tuy nhiên, chúng ta cần xem xét liệu tâm có thiện hay không. Nếu những người như vậy lấy cá và thịt chỉ dùng làm vật thực để ăn, thì họ không cần phải chịu trách nhiệm. Trong trường hợp những người chăn nuôi động vật để giết mổ để lấy thịt của chúng, thì có trách nhiệm. Muốn giết một chúng sanh có sự sống để ăn nó, cho thấy người có tâm không trong sạch. Nếu anh ta làm như vậy thì anh ta phạm tội sát sanh (*pāṇātipātā*).

Điều tương tự đối với những trưởng giả lấy việc săn bắn làm trò tiêu khiển. Khi còn trẻ, tôi được kể lại rằng các sĩ quan Anh thường bắn chim bằng súng trường nhưng họ không bao giờ ăn chúng. Nó cũng không khác đối với một số người ăn chay: họ không ăn thịt, nhưng giày, túi xách

hay áo khoác của họ được làm bằng da thuộc, da hay lông thú.

Như vậy, làm sao để tránh bị sai lầm? Trong Phật pháp (*Buddha dhamma*), chỉ có việc cố ý giết chết mới là vấn đề. Nếu không thì không ai có thể tránh khỏi trách nhiệm. Bạn thấy đấy, khi chúng ta đang đi dạo, chúng ta đang giết nhiều côn trùng. Nhưng chúng ta không nhìn thấy; chúng ta không biết. Dù chúng ta không cố ý, sự chết đang xảy ra. Cố ý - và sân hận muốn giết - thì nghiêm trọng hơn.

3/ Kamma – Nghiệp Cho Quả Của Nó

Sự lặp lại cho quả

Giả dụ bạn muốn đọc tụng "*Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa*" nhiều lần cho đến khi bạn quen thuộc câu đó. Khi đọc xong lần đầu, bạn lặp lại câu đó. Bạn nhận thấy nó dễ dàng hơn. Ở lần cố gắng thứ ba, việc đọc tụng của bạn trở nên trôi chảy hơn. Sau nhiều lần cố gắng, dù là bạn thức dậy và được bảo đọc tụng câu đó, thì sẽ không có bị mắc lỗi.

Khả năng này là do sự lặp lại hay trùng dụng (*āsevana*)[27]. Như vậy, nhờ thực hành lặp đi lặp lại nên đạt được sự khéo léo. Bất cứ thứ gì được thực hiện hay xảy ra chỉ một lần sẽ chẳng có giá trị nhiều - chỉ khi được thực hành nhiều lần cho đến khi nó dường như làm thành một nếp gấp ở vải. "Nếp gấp" này trong tâm cho thấy khả năng đã đạt được.

Trong tiến trình danh pháp, đó là trùng dụng duyên (*āsevana paccayo*)[28] khi những tâm (*citta*) tương tự sinh khởi lặp đi lặp lại nhiều lần, với tiềm lực của tâm trước chuyển tiếp đến tâm kế tiếp. Không có sự chuyển tiếp này xảy ra, bạn sẽ không tiến bộ trong việc ghi nhớ bất kỳ văn bản nào hay học được sự khéo léo nào. Bạn thậm chí sẽ không thể hoạt động bình thường trong các hoạt động hàng ngày hay các thói quen. Ví dụ trong trường hợp dùng bữa, bạn sẽ không nhớ quá trình ăn thực sự –muỗng thức ăn đưa vào miệng (và không phải tai). Đây là bởi vì trùng

[27] Ā = lặp đi lặp lại, Sevana = để phụ thuộc vào.

[28] Đó là một duyên lặp đi lặp lại cho sự phát sinh của trạng thái bị trợ tạo của nó.

dụng duyên cho phép thói quen hình thành. Do đó, những hành vi thường làm đều đặn có thể được thực hiện mà không có sự cố gắng của tâm.

Với trùng dụng duyên (*āsevana paccayo*), tiềm lực và sự thành thạo tăng lên cùng với mỗi tâm (*citta*). Lưu ý rằng, tất cả những loại tâm khác nhau tham gia vào lộ tâm - ngoại trừ những tâm đổng lực (*javana citta*) - không có khả năng phát triển sức mạnh và sự thành thạo thông qua sự lặp lại. Như những tâm (*citta*) thông thường, chúng sinh khởi chỉ khi thực hiện phận sự của chúng. Đây không phải như trường hợp ở những đổng lực (*javana*), khi xét đến tiềm lực tăng lên với mỗi lần lặp lại của những tâm đổng lực (*javana*) này.

Ngoại trừ đổng lực (*javana*) cuối (J7 – đổng lực thứ 7), mỗi trong sáu đổng lực (*javana*) trước đó trợ cho đổng lực kế sau nhờ sức mạnh của trùng dụng duyên (*āsevana*). Do đó, sức mạnh của những tâm (*citta*) kế sau trở nên lớn hơn hơn cái tâm trước. Để tăng sức mạnh, những đổng lực (*javana*) có thể được chia thành ba nhóm: nhóm thứ nhất chỉ gồm đổng lực (*javana*) thứ nhất - J1; nhóm thứ hai gồm J2 đến J6; và nhóm thứ ba chỉ có đổng lực (*javana*) thứ bảy - J7.

Ngày kết thúc ở cuối kiếp sống này

Khi là tâm đầu tiên trong chặng đổng lực, đổng lực (*javana*) - J1 cái thứ nhất có sức mạnh giới hạn, vì nó chỉ mới bắt đầu để tập hợp tiềm lực. Tại sao lại như vậy? Đó là vì nó không có cái tâm (*citta*) (đổng lực) trước đó với sức mạnh của trùng dụng duyên (*āsevana*). Tâm kế trước

nó là khai ý hay đoán định (*voṭṭhabbana*), là một loại tâm khác. Do vậy, đổng lực thứ thất J1 không thể được trợ duyên bởi sức mạnh của trùng dụng (*āsevana*). Do đó, nó không thể trợ sanh một kiếp sống mới. Nó chỉ có thể ủng hộ trong kiếp sống hiện tại. Đây là hiện báo nghiệp (*diṭṭhadhamma-vedaniya kamma*), trợ sanh quả của nó trong kiếp sống này. Vì tiềm lực của nó không đủ nên nó không thể vượt ra ngoài giới hạn đến kiếp sống kế tiếp. Vào cuối kiếp sống này, nghiệp lực của nó hết hiệu lực là vô hiệu nghiệp (*ahosi kamma*), có nghĩa là nó không thể trợ sanh quả nữa – giống như thuốc đã hết hạn. Như vậy, nếu đổng lực thứ thất J1 không có cơ hội phát triển đến chín muồi trong giới hạn thời gian của nó, đó là kiếp sống này, thì nó trở thành vô hiệu nghiệp.

Chờ duyên xuất hiện ở kiếp sống kế tiếp

Khi diệt, đổng lực (*javana*) thứ nhất - J1 truyền tiềm lực của nó cho đổng lực (*javana*) thứ hai - J2. Sau đó, tiềm lực J2 được chuyển sang đổng lực (*javana*) thứ ba - J3. Do vậy đổng lực J2 mạnh hơn đổng lực J1, trong khi đổng lực J3 trở nên mạnh mẽ hơn đổng lực J2. Theo cách này, xảy ra sự chuyển tiềm lực bởi những tâm (*citta*) kế tiếp. Khi đến đổng lực J6, đổng lực (*javana*) này được tập hợp sức mạnh. Kế đến, tiềm lực đã tích lũy này được tập hợp vào tâm đổng lực cuối trong chặng đổng lực. Theo cách này, tư (*cetanā*) của đổng lực J7 nhận được sự ủng hộ từ tất cả những đổng lực (*javana*) trước. Sức mạnh của nó đủ để trợ sanh tái tục ở cuối kiếp sống này.

Tuy nhiên, để cho quả tái tục, nghiệp không có khả năng tự làm điều đó một mình. Quả chỉ có thể xảy ra khi các

duyên ủng hộ khác đến cùng một lúc. Chỉ khi đó quả mới xảy ra. Như vậy đối với đổng lực (*javana*) J7, khi nào quả của nó xảy ra? Do tiềm lực bậc cao của nghiệp, nó xảy ra ở kiếp sống kế tiếp - nghĩa là kiếp sống hiện hữu gần nhất có thể - chỉ khi có cơ hội và với sự trợ giúp của các duyên. Sanh báo nghiệp (*upapajjavedanīya kamma*) này có thể được so sánh với cây đang chờ đâm chồi vào đầu mùa xuân: chúng "ẩn náu" trong sương giá để chờ những ngày ấm áp. Hay nó tựa như những người xin việc trong danh sách chờ một việc làm. Với sự trợ giúp của các duyên, nghiệp này "phải" nảy mầm, xuất hiện ở kiếp sống kế tiếp. Nếu không có cơ hội để nghiệp cho quả của nó thì nghiệp đó trở nên vô hiệu[29]. Nó không chuyển tiếp đến kiếp sống thứ ba.

Dù sức mạnh của nó đã được tích lũy từ những đổng lực (*javana*) khác, khi là đổng lực cuối trong chặng đổng lực, nhưng nó không thể làm phận sự trùng dụng duyên (*āsevana*). Tâm gì theo sau đổng lực (*javana*) J7? Nó có thể là tâm na cảnh (*tadārammaṇa*) hay hữu phần (*bhavaṅga*) - cả hai tâm đó đều có tính chất khác. Như vậy, đổng lực J7 không thể chuyển tiếp tiềm lực của nó đến tâm tiếp theo bằng trùng dụng duyên. Vào lúc diệt, nó chỉ có thể để lại tiềm lực của nó cho tâm (*citta*)[30] tiếp theo.

Một con chó của người thợ săn chạy đuổi trong luân hồi (*saṃsāra*)

---

[29] Ngoại trừ với nghiệp garuka. Do nghiệp lực lớn, nó phải tạo ra quả của nó.

[30] Việc chuyển này được thực hiện qua phương tiện thông thường là vô gián (anantara), đẳng vô gián (samanantara), vô hữu (natthi) và ly khứ duyên (vigata paccayo) đối với những tâm (citta) thông thường.

Như thế thì đối với những đổng lực (*javana*) còn lại, vì không thể định rõ tâm (*citta*) nào liên quan, chúng ta phải xem chúng nói chung như nhóm năm đổng lực (*javana*) giữa. Những đổng lực này được gọi chung là hậu báo nghiệp (*aparāpariya vedanīya kamma*), nghĩa là không có giới hạn về thời gian. Bắt đầu từ kiếp thứ ba trở đi, những nghiệp này sẽ tiếp tục cho quả trong thời gian chúng ta vẫn còn trong vòng luân hồi. Chỉ cần có thọ mạng, chúng đang chờ để đâm chồi, một số có sức mạnh trợ cho tái tục. Dù chúng có thể bị cách ly, nhưng chúng không thể bị ngăn chặn. Trong nhóm này, đổng lực nào có sức mạnh lớn nhất? Đó là đổng lực J6 vì có một sự gia tăng từng bước trong tiềm lực bắt đầu từ đổng lực J3. Mãnh lực duyên của nó vượt quá sức mạnh của đổng lực J2, trong khi sức mạnh của đổng lực J4 lớn hơn sức mạnh của đổng lực J3 và v.v… Những mãnh lực duyên của chúng sẽ tiếp tục cho quả trong bất kỳ kiếp sống nào bắt đầu từ kiếp sống thứ ba.

Như vậy, đây là loại nghiệp tồn tại lâu nhất. Tôn giả Buddhaghosa đã so sánh nó với một con chó của người thợ săn. Khi trông thấy một con nai, con chó săn đuổi theo. Nếu con nai sẩy chân ngã thì con chó sẽ túm con nai. Cũng vậy, những nghiệp này sẽ vẫn cứ theo chúng ta không rời xuyên suốt vòng luân hồi (*saṃsāra*) - dù là chúng ta đã phạm vào một hành vi xấu ác từ hàng trăm ngàn kiếp trước.

Về phần nghiệp thiện (*kusala kamma*), một điển hình là giác hành giả (*bodhisatta*) trong một kiếp từng là Sumedha. Vào lúc gặp Đức Phật Dīpaṅkara, đức Bồ tát nhận được lời tiên tri của Đức Phật rằng Ngài sẽ thành

Phật một ngày nào đó. Từ đó trở đi, Sumedha bắt đầu tích lũy pháp tròn đủ (*pāramī*) trong một chuỗi những kiếp sống không đếm xuể cho đến lần sanh cuối cùng của ngài là Gotama.

Người Bạn hay Kẻ Thù?

Nghiệp không chỉ trợ sanh một kiếp sống mới như nghiệp sản sanh (*janaka kamma*), còn có ba loại nghiệp khác, mỗi loại có phận sự khác nhau (phận sự không trợ sanh). Cách của nghiệp là như thế này: trong khi nó đang cho quả của nó trong thời bình nhật (*pavatti*), nó sẽ giúp bằng cách trợ những pháp có cùng tính chất như chính nó. Nếu không, nó sẽ hành động để can thiệp hay gây trở ngại bằng cách làm suy yếu, trì hoãn, thậm chí phá vỡ hay làm phiền. Nếu sức mạnh của nó phát triển đến mức độ to lớn, nó tác động để cắt đứt hay phá hủy. Như vậy, đó là tính chất của nghiệp trong thời gian sống (thời bình nhật).

Chỉ xem xét bản thân chúng ta: chúng ta được sinh ra làm người nhân loại do nghiệp sản sanh (*janaka kamma*). Nghiệp này cũng chịu trách nhiệm về các quyền (*indriya*) của chúng ta, như nhãn quyền. Đó là lý do tại sao một số người dù ở tuổi tám mươi không cần kính, không như một số trẻ nhỏ cần mang kính. Sau đó, khi chúng ta lớn lên, cha mẹ chúng ta, sự chăm sóc của cha mẹ, vật thực, thuốc men, v.v… là nghiệp hộ trợ (*upatthambhaka kamma*). Phận sự của loại nghiệp này chỉ là để ủng hộ hoạt động của nghiệp sản sanh (*janaka kamma*). Như vậy, một khi nghiệp sản sanh đã hoàn thành phận sự của nó, nghiệp hộ

trợ (*upatthambhaka kamma*) chịu trách nhiệm ngăn chặn bất kỳ sự hư hoại nào và duy trì thọ mạng của chúng ta.

Khi chúng ta bị bệnh - cần điều trị và thuốc men - đó là nghiệp ngăn trở hoạt động. Phận sự của nghiệp ngăn trở hay chướng nghiệp (*upapīḷaka kamma*) là làm suy yếu, trì hoãn hay thậm chí phá vỡ quả của những nghiệp (kamma) khác. Tuy nhiên, sự xen vào của nó tiến hành cả hai hướng về phía thiện (*kusala*) và bất thiện (*akusala*). Khi nghiệp thiện (*kusala kamma*) cho quả của nó, nghiệp bất thiện (*akusala kamma*) đi vào gây nhiễu và ngược lại.

Khi sự đau bệnh của chúng ta hóa ra không thể chữa trị, thì đó là do nghiệp phá hủy hay hoại nghiệp (*upaghātaka* hay *upacchedaka kamma*) khi chúng ta chết. Loại này phá hủy quả của nghiệp khác thông qua sự ngăn trở, như một tên lửa phòng không. Theo Chú giải, nó cũng có thể trợ sanh quả của chính nó sau khi loại bỏ quả của nghiệp khác.

Tại sao có chuyện xảy ra như vậy? Đó là vì mọi người làm cả tốt và xấu. Như vậy, nghiệp thiện (*kusala*) và bất thiện (*akusala*) của họ đang được tích lũy mỗi ngày. Bất cứ khi nào có cơ hội, khi tiềm lực của một nghiệp được đầy đủ, nghiệp ấy chen vào để phá hủy (hay trợ giúp).

Mắc tai họa do điều bất hạnh

Giả dụ có một người đã làm những hành vi cả tốt và xấu trong kiếp sống của vị ấy. Vào lúc tử, một trong những nghiệp thiện (*kusala kamma*) của vị ấy có cơ hội chín muồi để vị ấy bị tái tục lần nữa làm một người nhân loại. Nghiệp bất thiện (*akusala kamma*) của ông ta nói: "À, nghiệp thiện (*kusala kamma*) đó đã đến đó trước chúng ta." Rồi chúng

chờ một cơ hội. Dù nghiệp sản sanh (*janaka kamma*) tốt đã đẩy vị ấy đến cõi nhân loại, nhưng nghiệp xấu nằm chờ để gây rắc rối cho vị ấy vào mỗi khi chúng có thể tìm thấy cơ hội. Thỉnh thoảng những nghiệp ngăn trở này khiến cho những căn bệnh xuất hiện. Thỉnh thoảng chúng khiến cho vị ấy nhập viện. Vị ấy sẽ nhận thấy bản thân phải chịu buộc tội không công bằng. Đồ dùng cá nhân của vị ấy bị hư hại và v.v... Cũng vậy, những nghiệp xấu của vị ấy khiến cho vị ấy hứng chịu, trải nghiệm tất cả các loại khổ (*dukkha*). Rồi thì nghiệp nào đủ mạnh trở thành nghiệp phá hủy đã chín muồi để đưa kiếp sống của vị ấy đến kết thúc sớm trong một tai nạn.

Một kiếp chó may mắn

Giả sử có một người khác cũng đã từng làm cả điều tốt và xấu. Một nghiệp bất thiện (*akusala kamma*) có cơ hội chín mùi trước vào lúc cuối kiếp sống của vị ấy. Vị ấy bị tái tục làm một con chó.

Thấy vậy, nghiệp thiện (*kusala kamma*) của vị ấy nói: "Ồ, nếu chúng ta có cơ hội, chúng ta đã đưa vị ấy đến cõi nhân loại hay chư thiên. Chúng ta đã quá muộn. Nghiệp bất thiện (*akusala kamma*) của vị ấy đã đến đó trước. Nên bây giờ vị ấy đang chịu một kiếp sống là chó. Nhưng tốt nhất có thể, chúng ta sẽ chăm sóc vị ấy." Như vậy, những nghiệp thiện của vị ấy đã đưa vị ấy đi đến một dinh thự của một quí tộc. Ở đó, con chó này đã sống như một con người, đi trong một chiếc xe đắt tiền. (Tôi đã nghe nói rằng trong một số ngôi nhà, thú cưng ăn thức ăn được dành riêng trong một cái đĩa bằng vàng.) Tiêu chuẩn sống của nó cao hơn của nhiều người.

Như vậy, dù nghiệp bất thiện (*akusala kamma*) của người này là nghiệp đầu tiên cho quả của nó nhưng những nghiệp thiện của vị ấy sẽ chăm sóc cho vị ấy, nó là nghiệp hộ trợ.

Tuy nhiên, đối với những con chó bị lạc, nghiệp của chúng sẽ là loại bất thiện ngăn trở. Ngoài ra, nghiệp bất thiện của chúng sẽ đóng vai trò là nghiệp hộ trợ. Điều này là do việc hộ trợ có thể làm theo cách này hay cách kia (tựa như nghiệp ngăn trở): hộ trợ để cho tốt hơn hay tệ hơn. Trước tiên là thiện, trong khi khác là bất thiện. Nghiệp bất thiện (*akusala kamma*) được hộ trợ bởi bất thiện. Người ấy trở nên vui hơn và hạnh phúc hơn hay vị ấy càng ngày càng khổ. Nghiệp như thể là kẻ thù và người bạn luôn theo sau. Nếu khi người bạn mạnh mẽ hơn thì có sự hộ trợ. Còn khi kẻ thù mạnh mẽ hơn, thì sự chết xảy ra.

Thấy bằng sự phản khán hay xem lại nghiệp

Nghiệp sản sanh quả (*vipāka*)[31] của nó ở tất cả các cơ hội thích hợp. Điều này xảy ra hai lần: một lần, khi kiếp sống bắt đầu lúc thụ thai, thời tái tục (*paṭisandhi*). Một lần khác là sau này. Một khi sự sống đã được thiết lập, từ đó đến khi tử, nghiệp sẽ tiếp tục cho quả của nó trong thời bình nhật (*pavatti*). Chúng là những chi? Nhãn thức, nhĩ thức,

[31] "Vi" có nghĩa là "khác, không giống" (về tính chất). Nó nói đến đến điều gì? Ở đây, nó chỉ cho các pháp thiện (*kusala dhamma*) và pháp bất thiện (*akusala dhamma*) là những pháp có tính chất khác nhau. Tiếp đến, "*Pāka*" có nghĩa là "quả" (của những thực tính (*sabhāva*) đã chín muồi này). Trong trường hợp này, thuật ngữ "*vipāka*" chỉ cho quả của tư (*cetanā*), đó là những danh sở hữu tâm (*cetasika*) của tâm quả (*vipāka citta*).

tỷ thức, v.v… là quả của nghiệp. Những tâm thức (*citta viññāṇa*) này sinh khởi do những nghiệp quá khứ đã được tích lũy và nay đến lúc chín muồi[32].

Tuy nhiên, không phải những thức (*viññāṇa*) này sẽ sinh khởi chỉ thông qua nghiệp. Lý do chúng xuất hiện là do một cảnh dội hay chạm vào sắc vật. Chỉ khi ấy chúng mới có thể sinh khởi. Vào lúc khác thì chúng không thể. Trong trường hợp này, bạn có thể băn khoăn: "Vào những lúc như vậy, những thức (*viññāṇa*) đã đi đâu?

Nhãn thức được giữ ở đâu?

Trong cái bật lửa, ngọn lửa được giữ ở đâu? Hãy cố gắng tự khám phá ra. Khi bạn khám phá, bạn cũng sẽ biết nhãn thức được giấu ở đâu. Như vậy, ngọn lửa được giữ ở đâu trong cái bật lửa? Không có ở đâu cả. Nhưng do hội tụ những duyên thích hợp với nhau, ngọn lửa sẽ không xuất hiện chăng? Nó sẽ xuất hiện. Chúng ta có thể nói rằng có sự tiềm tàng ở đó. Và tương tự đối với sự thấy, những duyên mà nhãn thức có thể xảy ra là chi? Đó là nghiệp đã trợ sanh nhãn thanh triệt (*cakkhu pasāda*). Một cảnh sắc khi ấy sẽ được phản chiếu vào nhãn thanh triệt. Sắc này mang hình thức của một sự va chạm (xúc chạm) mặc dù thông thường chúng ta không nhận biết được hoạt động xúc chạm này. Sự xúc chạm của hai sắc này như sự bật đèn; hay như sự tiếp xúc của những cực dương và cực âm của dây điện với sự xuất hiện ánh sáng một cách đột ngột.

---

[32] Dhammasaṅgaṇī.

Do vậy, nhãn thức hình thành khi một cảnh bên ngoài chạm vào nhãn thanh triệt như Đức Phật dạy trong một số bài kinh (*sutta*). Ngài không bao giờ dạy rằng nhãn thức liên tục có mặt, mà chỉ dạy rằng nó xuất hiện bằng duyên thích hợp. Theo Ngài, đó là quả của nghiệp, dù nó chỉ có thể xảy ra bằng sự xúc chạm giữa cảnh và nhãn xứ. Ngoài sát-na này, nó không sinh khởi. Đây là tính chất của nghiệp sản sanh quả của nó, là những tâm quả (*vipāka citta*) trong thời bình nhật (*pavatti*). Vào lúc hội họp hay xúc cảnh ở các vật tương ứng, do sự xúc chạm này nên những quả này sinh khởi. Tuy nhiên, đâu là nguyên nhân chính? Nó chỉ là nghiệp.

Đức Phật dạy rằng những tâm quả (*vipāka citta*) này yên tĩnh và không có bất kỳ hoạt động nào. Chúng có thể được so sánh với một ánh phản chiếu trong gương. Hình ảnh của một người ở đó chỉ di chuyển nếu anh ta di chuyển. Một hình ảnh có thể cử động theo ý muốn của nó hay không? Không, nó không thể. Do đó, những tâm quả (*vipāka citta*) này xuất hiện vì phản chiếu của nghiệp. Vì thế có thể không có hoạt động bởi những tâm quả này. Tính chất của chúng chỉ là phản chiếu bất cứ hành vi nào của nghiệp. Đây là cách nghiệp cho quả của nó trong kiếp sống này (thời bình nhật).

Sáu giọt mật ong cộng với một giọt sắt lỏng

Xem xét về nhãn. Chúng ta không thấy (hay nghe, ngửi, nếm, đụng và nghĩ) những thứ là tốt đẹp hay hài lòng vào mọi lúc. Những điều chúng ta thấy không chỉ với sự mong mỏi. Những chi không tốt hay không hài lòng cũng được

nhận biết. Nhãn thức nương vào pháp chi khi nghiệp bất thiện (*akusala kamma*) trợ cho nó sanh? Nó xuất hiện khi nhìn thấy một cảnh không hài lòng (*aniṭṭhārāmmaṇa*)[33]. Việc thấy cảnh không hài lòng không như việc thấy cảnh hài lòng đáng mong mỏi.

Một cảnh tốt hay hài lòng là *iṭṭhārāmmaṇa*. Khi tiếp nhận cảnh, nhãn thức sinh khởi là quả của thiện (*kusala*). Do vậy, có hai loại nhãn thức (*cakkhu-viññāṇa*). Nó cũng vậy đối với nhĩ trong việc nghe âm thanh êm ái hay chói tai, đối với tỷ trong việc ngửi mùi thơm hay hôi, thiệt trong việc nếm vị ngon hay nhạt nhẽo, hay thân trong việc cảm thọ sự xúc chạm hài lòng hay không hài lòng. Ví dụ, khi chân va phải thứ gì đó cứng, chân không đau chăng? Đây là loại xúc không hài lòng rõ ràng nhất.

Cố gắng quan sát những gì diễn ra ở các loại tâm khác nhau xuất hiện suốt cả ngày trong cuộc sống hàng ngày của bạn: trong việc thấy, ngửi, nếm và v.v... Bất cứ điều không hài lòng nào được kinh nghiệm là quả của bất thiện (*akusala*). Những điều hài lòng là quả của thiện (*kusala*).

Những gì bạn thích có thể tôi không thích

Khi mọi người thích một thứ nào đó, nó là một cảnh hài lòng. Nếu họ không thích nó, nó không được mong mỏi. Nói chung, mọi người thường xem xét một điều gì đó họ thích là tốt, phải chăng? Vào lúc dù khó định rõ điều gì là hài lòng (*iṭṭha*) hay không hài lòng (*aniṭṭha*) hay phân biệt

---

[33] Một cảnh không tốt và bất khả hỷ (không hài lòng) được gọi là aniṭṭha, ngược lại với khả hỷ (hài lòng) - iṭṭha.

giữa điều gì "tốt" hay "xấu". Điều không mong muốn với bạn có thể được người khác mong muốn.

Đi ngang qua một xác con chó thối rữa, mọi người sẽ bịt mũi họ, rồi hắng giọng và nhổ nước bọt trong sự kinh tởm. Mặt khác, chim kền kền sẽ vui mừng. Chúng bị lôi cuốn mạnh mẽ bởi mùi của xác súc vật, dù ở cách xa, chúng sẽ bay và xà xuống xác chết. Thế thì đối với những người thích sầu riêng, quả là cảnh hài lòng (*iṭṭhārāmmaṇa*), nhưng không dành cho những ai không thích loại quả này, họ cảm thấy mùi không dễ chịu.

Như vậy, tiêu chuẩn được đặt ra làm sao? Chỉ bằng cách chung chung và tìm thấy một sự nhất trí chung về những gì nhiều người cho là tốt hay xấu. Ví dụ, trong việc thấy cảnh là nguyên nhân của thọ khổ, chúng ta có thể nói rằng cảnh không tốt. Thay vào đó, nếu một thọ hỷ sinh khởi, thì nó có thể được xem là một điều tốt. Ngoại trừ những người rối loạn thần kinh, một cảnh như vậy sẽ được những người còn lại yêu thích.

Sáu giọt mật ong cộng với một giọt sắt lỏng

Bây giờ hãy xem xét về quả bất thiện (*akusala*) đã bị trợ tạo trong kiếp sống này (thời bình nhật). Bên cạnh nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức, có tâm tiếp thâu (*sampaṭicchana*) và tâm thẩm tấn (*santīraṇa*): bảy tâm quả bất thiện (*akusala vipāka citta*). Chúng có điểm gì chung?

Về mặt thọ (*vedanā*), hầu hết trường hợp là thọ xả (*upekkhā*) trung lập. Tuy nhiên, thân thức câu hành khổ[34], không như những pháp câu hành xả (*upekkhā*) (là pháp phi khổ phi lạc). Vì lý do này, tâm quả bất thiện này với thọ khổ đã được ví như một giọt sắt đã nấu chảy. Những tâm (*citta*) còn lại câu hành xả như giọt mật ong.

Sau khi thêm giọt sắt lỏng này vào sáu giọt mật, kế đến hỗn hợp được rót lên trên lưỡi. Nó sẽ cảm giác ra sao? Nó sẽ là lạc phải chăng? Vị của mật ong sẽ rõ ràng? Giọt sắt lỏng trong sáu giọt mật có thể được so sánh với thân thức câu hành khổ. Khổ (*dukkha*) trở nên quá mạnh.

Điều này đặc biệt là như vậy trong trường hợp của chúng sanh địa ngục. Đối với họ có thể không có khoảng thời gian khuây khoả, bớt đau đớn. Khổ, đau đớn thì hoàn toàn nổi bật.

Chúng sanh địa ngục có thể trải nghiệm quả của nghiệp thiện (*kusala*) hay chăng?

Thông thường chỉ có những cảnh không đáng mong mỏi được trải nghiệm trong cõi địa ngục với những người la hét và rên rỉ vì đau đớn và kinh sợ. Tuy nhiên, trong thời Đức Phật, Tôn giả Moggallāna thỉnh thoảng dùng thần thông của ngài đến thăm địa ngục. Mục đích của ngài là cho chúng sanh ở đó cơ hội bày tỏ lòng tôn kính đến bậc Vô sanh (*arahant*)[35] cũng như nghe giáo pháp dhamma.

Đối với những chúng sanh này với sự khổ đủ khiến cho họ la hét: "Cứu tôi với! Giúp tôi với!" - Tôn giả Moggallāna

---

[34] Dukkha-sahagata kāya-viññāṇa.

[35] Samaṇānañca dassanaṃ.

đã làm gì để cho pháp thiện (*kusala*) sinh khởi ở họ? Bằng thần thông của mình, ngài đã dập tắt lửa địa ngục một lúc. Trong khoảng thời gian ngừng đó, ngài làm cho hình dạng của ngài có thể nhìn thấy được, ngài thuyết ngắn gọn về Giáo pháp (*dhamma*) cho họ. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó khi ngọn lửa đã tắt, chúng sanh địa ngục được giảm bớt đau khổ, cho phép họ trông thấy ngài với lòng tôn kính. Đây là cảnh hài lòng (*iṭṭhārāmmaṇa*). Một cảnh tốt khác là âm thanh thuyết pháp của Tôn giả mà họ đã được nghe.

Như vậy, trong khoảng thời gian ngắn này, những cảnh hài lòng (*iṭṭhārāmmaṇa*) đã có thể xuất hiện với họ, những cảnh thiện này là quả của thiện (*kusala*).

4/ Những Chi Phần Ảnh Hưởng Nghiệp

Đối xử không bình đẳng

Ví dụ về một nhóm các Phật tử tịnh tín đang tập hợp lại với nhau để dâng y Kathina và nghe thuyết pháp. Bạn có thể muốn biết: “Nghiệp sẽ cho họ quả giống nhau không vì việc tập hợp cùng tạo nghiệp phước thiện của họ?”

Mọi người có thể dự cùng phần một quả nghiệp như nhau hay không? Nó không thể y hệt nhau đối với mỗi người vì nghiệp chín muồi nương vào các duyên và phẩm chất thay đổi khác nhau giữa người này và người khác. Dù họ cùng tham gia làm một hành động phước thiện, nhưng tư (*cetanā*) không giống nhau. Những duyên và phẩm chất cũng không giống nhau. Do đó, quả cũng không thể giống nhau.

Chỉ cần xem xét những ai phạm tội sát sanh. Đối với hành vi sát sanh của họ, họ bị kết án tử hình hay nhận bản án chung thân. Còn người phụ trách hành quyết trong tù thực hiện việc thi hành án tử hình, đối với những kẻ giết người bị kết án này không chỉ thoát khỏi trừng phạt, mà anh ta còn được khuyến khích và được thưởng bởi chính quyền. Cùng một hành vi tước đoạt mạng sống, nhưng quả lại khác nhau. Vì sao?

Đó là vì những duyên không giống nhau đối với tất cả mọi người. Hơn nữa, vẫn có những yếu tố khác đang hoạt động sao cho nghiệp không thể sản sanh quả của nó cho từng người và mọi người.

Tùy thuộc vào duyên ủng hộ của nó, nghiệp cho quả của nó. Đối với một số người được những duyên lành ủng hộ,

nghiệp bất thiện (*akusala kamma*) không có khả năng trợ sanh quả của nó. Cả nghiệp thiện (*kusala kamma*) cũng không thể có hiệu lực nếu duyên xấu đang thịnh hành với người ấy.

Theo Đức Phật (*Buddha*), nó như việc bỏ một cục muối vào ly nước[36]. Ly nước trở nên quá mặn để uống. Nếu cục muối này được bỏ thêm vào hồ hay sông như sông Gaṅgā hay Ayeryarwady, vị mặn ấy sẽ không còn.

Cũng vậy, giới hạnh của một số người không tốt. Hơn nữa, họ không làm những việc thiện phước. Nếu họ phạm vào một số sai lầm nhỏ, thì họ sẽ bị đau khổ rất nhiều vì nó.

Ngược lại, hãy đơn cử một người có tư cách đạo đức tốt, người này luôn có tâm tốt. Ông ta cũng đã và đang thực hiện nhiều việc tốt. Tuy nhiên, khi còn là một phàm phu (*putthujjana*), thỉnh thoảng ông ta cũng có những hành động xấu. Thế nhưng, những hành động xấu này dường như không cho quả, hoàn toàn diệt mất.

Cho nên quả nghiệp khác nhau giữa người này với người khác. Không có chuyện nghiệp cho thấy sự thiên vị. Đó là bởi vì có những yếu tố khác ủng hộ.

Các duyên hiệp thế

Nếu một người bần cùng trộm cắp một con cá từ người bán cá, thì anh ta sẽ gặp rắc rối. Nếu một phú ông trong một chiếc xe có tài xế riêng lái làm điều tương tự, thì ông ta có thể thậm chí được cho thêm con cá nữa như biếu. Sự

[36] Loṇakapalla Sutta (Aṅguttara Nikāya, q. 3).

ưu ái được dành cho người giàu, không cho người túng thiếu. Đây chỉ là cách của thế gian.

Có thường xảy ra trường hợp (ở nơi nào đó) khi có tiền và thế lực, không cần phải đối diện sự trừng phạt bởi pháp luật hay không? Hoàn cảnh thường khác nhau giữa một người giàu và người nghèo, mặc dù người ta nói rằng "tất cả đều bình đẳng theo pháp luật". Một người không có tiền bị cầm tù vì một tội phạm, có thể không xảy ra với người khác. Đối với người khác này, dù sự vi phạm giống nhau, vấn đề là có khả năng bỏ qua đi. Bằng cách hối lộ, anh ta có thể trốn thoát. Do vậy theo cách tương tự đối với người nào đó có địa vị hay quyền lực, thường không có sự trừng phạt. Một người khác không có địa vị hay quyền lực như vậy phải chịu nhiều hình phạt hơn.

Tùy thuộc vào cách bạn nhìn vào nó, bạn có thể gọi điều này là sự bất công. Hay bạn có thể nói rằng đây là việc thế gian. Trong trường hợp như vậy, tiền (cũng như uy thế và quyền lực) có thể được coi là một loại duyên.

Điều này không có nghĩa là tiền - hay thiếu tiền - có ảnh hưởng quan trọng đối với nghiệp. Khi nhắc tới nghiệp, nó thường liên quan tới liệu có mặt hay không có mặt các phẩm chất. Đối với một người nào đó có những phẩm chất tốt như vậy, hậu quả sẽ ít nghiêm trọng hơn, không như người chưa từng làm phước. Do đó, anh ta chịu khổ rất nhiều ngay cả do bất kỳ hành vi sai trái nhỏ nào. Điều này chỉ là tự nhiên.

Điều này có hàm ý là nếu ai đó làm một việc bất thiện (*akusala*) nào đó, thì để làm giảm nhẹ nghiệp xấu đó, người này nên làm nhiều việc phước thiện.

Phẩm chất làm nên sự khác biệt

Trong bất kỳ điều gì tốt hay xấu được thực hiện, luôn có cấp bậc và mức độ, đó là phẩm chất. Khi thiện (*kusala*) hay bất thiện (*akusala*) được thực hiện thì sức mạnh của danh pháp và phẩm chất giống nhau đối với tất cả mọi người hay chăng?

Dù là đang xả thí (*dāna*), tuân giữ giới (*sīla*) hay tu tập thiền, sức mạnh danh pháp của một người và phẩm chất của danh pháp đó không giống của người khác. Xem xét hành vi xả thí (*dāna*). Trước khi thực hiện xả thí, bạn có những ý nghĩ tốt về việc xả thí của mình. Thậm chí sau đấy, tâm thiện (*kusala*) sinh khởi khi bạn nghĩ về việc xả thí (*dāna*) này.

Đối với một người khác có sự lưỡng lự và quan niệm sai trước và sau khi thực hiện xả thí thì lại khác. Do vậy, khi hành vi thiện này bị vây quanh bởi một tâm bất thiện trước và sau đấy, tiềm lực của nghiệp bị làm suy yếu. Nó được gọi là bậc thấp[37].

Trong trường hợp của bạn khi không có tâm bất thiện (*akusala*) vây quanh hành vi xả thí, nó là bậc cao[38] chỉ với tâm thiện (*kusala*) tương ưng trí sinh khởi, đó là tam nhân hay ba căn thiện vô tham (*alobha*), vô sân (*adosa*) và vô si (*amoha*) hiện diện. (Nếu trí hay vô si không có mặt thì duyên là hai hay nhị nhân (*dvihetuka*). Bậc cao và bậc thấp được phân biệt như vậy bằng trí[39] và dù hành vi thiện có

[37] Omaka kusala kamma – nghiệp thiện bậc hạ.

[38] Tihetuka ukkaṭṭha – tam nhân bậc thượng.

[39] Khi trí dẫn đầu, phước đạt được là thiện tương ưng trí - *ñāṇa-sampayutta*

được vây quanh bởi những tư bất thiện (*akusala cetanā*) hay không.

Về phần bất thiện (*akusala*), lấy ví dụ về một cậu bé cảm thấy đói nhìn thấy một quả táo. Tham ái sinh khởi và cậu ta lấy trộm quả táo, nghĩ mọi chuyện ổn thỏa vì cậu ấy đói. Một cậu bé khác trong hoàn cảnh như vậy, biết trộm là sai, rồi do dự. Nhưng với lời xúi giục của một người bạn, cậu ta lấy trộm nó.

Do đó, có một sự khác biệt ở sức mạnh của danh pháp và phẩm chất của những hành vi của hai cậu bé này.

Cho nên nếu hành động trộm cắp hay xả thí (*dāna*), hành trì giới hay tu tập thiền là giống nhau, cấp bậc và mức độ thì không giống nhau đối với tất cả mọi người. Điều này có nghĩa là phẩm chất khác nhau. Mặc dù hành động vẫn như vậy, nhưng phẩm chất của nghiệp thì không giống nhau. Có đúng hay chăng?

Cấu tạo khác nhau, những vật khác nhau

Hãy nhìn vào hàng tiêu dùng đang sử dụng ngày nay với sự khác nhau về chất lượng. Tuy nhiên tên gọi chung của đồ vật - nó không giống nhau phải không? Lấy ví dụ một cái ra-đi-ô. Những công ty nào sản xuất những ra-đi-ô? Bạn tìm kiếm chúng. “Công ty này sản xuất ra-đi-ô chất lượng tốt. Công ty kia sản xuất ra-đi-ô chất lượng kém,” bạn kết luận. Cho dù chất lượng là tốt hay xấu nhưng không vì thế mà một cái ra-đi-ô loại kém không thể được

---

kusala. Không có vô si (*amoha*), nó được gọi là bất tương ưng trí (*ñāṇa-vippayutta*).

gọi là ra-đi-ô. Nó vẫn được gọi là ra-đi-ô, như cái ra-đi-ô có chất lượng cao.

Theo cách này, tùy thuộc vào phẩm chất của nghiệp mà quả được trợ sanh khác nhau.

Trong vấn đề này cần cân nhắc cẩn thận: tất cả chúng sanh thuộc cõi khổ (*apāya*) có cùng một loại tâm tái tục giống nhau là tâm thẩm tấn xả thọ (*upekkhā santīraṇa*) cho dù họ là chúng sanh địa ngục, bàng sanh, ngạ quỉ (*peta*) hay A-tu-la (*asura*). Họ cũng có chung sự khổ như nhau không? Và nếu không, tại sao không?

Loại tâm tái tục là phổ biến chung cho tất cả, nhưng điều mà chúng sanh phải hứng chịu ở những nơi khác nhau thì không giống nhau. Trong cõi địa ngục (*niraya*), chỉ có khổ cùng cực, thậm chí không có một chút xíu hạnh phúc. Chúng sanh ở địa ngục có loại kiếp sống tồi tệ nhất. Loài bàng sanh thì khá hơn một chút. Đức Phật đã so sánh địa ngục với một hố than nóng đỏ[40] khổng lồ, trong khi sự sống trong thế giới bàng sanh thì như đang ở trong một cái hố phân. Bằng cách so sánh ngạ quỉ (*peta*) và a-tu-la (*asura*) khá hơn dù Ngài ví hoàn cảnh của họ như chúng sanh ở trong một nơi rất nóng với hầu như không có bất cứ bóng râm nào, mặt đất đá lởm chởm với những viên đá có cạnh sắc bén.

Tại sao chúng sanh trong địa ngục bị khổ nhiều hơn những chúng sanh khác? Đó là vì sức mạnh của danh pháp được dùng thực hiện pháp bất thiện (*akusala*) – cùng với phẩm chất của nghiệp - không giống nhau. Loại quả của ác hạnh

[40] Trong Mahāsīhanāda Sutta, Majjhima Nikāya.

trong địa ngục ở mức tột cùng. Nó cũng có nghĩa là phẩm chất của nghiệp ở mức cao nhất của nó.

Ngoài ra, quả có thể được xác định bằng cách xem xét mức độ bất thiện (*akusala*). Mức độ càng cao, môi trường càng mãnh liệt, như một ngọn núi lửa bốc cháy. Do vậy, tùy thuộc vào mức độ, mà có môi trường nóng dữ dội, đến môi trường nóng và ít nóng hơn ở các tầng cõi giới khác nhau.

Do đó, sự khổ dữ dội nhất là ở Avīci, nơi không có kẽ hở ở giữa các chúng sinh sống ở đó, họ bị nhồi nhét khít nhau như những cây kim trong bọc của chúng. Đó là lý do tại sao địa ngục thấp nhất này được gọi là Avīci. Ngoài ra, không có khoảng trống giữa các đám lửa nóng rực đang thiêu đốt liên tục.

Một loại bất thiện (*akusala*) ít khắc nghiệt hơn với phẩm chất của nghiệp thấp hơn mang lại quả của nó trong cõi bàng sanh. Kế đến, một loại không quá khắc nghiệt dẫn đến đời sống ngạ quỉ (*peta*).

Tương tự như vậy, hạnh phúc của chư thiên và nhân loại không giống nhau do sự khác biệt về phẩm chất dù là có cùng loại tâm tái tục. Tất cả những phương tiện di chuyển bốn bánh có thể chở số lượng nhỏ hành khách được gọi là xe ô tô. Nhưng dựa vào các loại xe và cấu tạo xe khác nhau, tất cả chúng có cùng giá trị hay chăng? Không, chúng không có cùng giá trị. Theo cách này, nó tựa như sự khác biệt giữa hạnh phúc của người nhân loại và chư thiên.

Đức Phật đã mô tả kiếp sống của con người như thế nào? Nó tựa như tìm thấy chính mình ngồi dưới một cái cây to xòe bóng mát dễ chịu. Bạn nói "Ồ, ở đây nó mát làm sao!" Tuy nhiên, dù có bóng râm mát, ngồi trên mặt đất nhưng

bạn không thể tránh những tia nắng mặt trời hay mưa xuyên qua.

Về phần kiếp sống trong cõi trời, Đức Phật đã so sánh với việc sống trong một căn phòng được trang bị đầy đủ một ghế tràng kỷ lớn và một chiếc giường có nệm, được ngăn ngừa khỏi gió và mưa. Hai hoàn cảnh này có giống nhau hay không? Không, chúng không giống nhau. Sự khác biệt là do phẩm chất của hành vi thiện (*kusala*), như xả thí (*dāna*) và hành trì giới (*sīla*). Do đó, quả trổ ra khác nhau.

Thuận lợi (*sampatti*) và bất lợi (*vipatti*)

Dù nghiệp (*kamma*) là duyên cần thiết, chúng ta không thể chỉ xem xét mỗi nghiệp. Chúng ta cũng cần nhìn vào những duyên khác và tình hình chung. Theo cách này: một cái cây cần những duyên ủng hộ gồm có đất, nước, ánh sáng, nhiệt và phân bón và v.v… giả dụ nó sẽ phát triển. Ví dụ, loại đất hay một nhiệt độ quá cao hay thấp sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của cây. Như vậy, có nhiều duyên liên quan.

Điều này cũng tương tự đối với nghiệp. Nghiệp thiện (*kusala kamma*) tốt đến mấy không quan trọng, một khi nó gặp hoàn cảnh bất lợi (*vipatti*)[41], nó không thể làm phận sự của nó. Nghiệp bất thiện cũng vậy – dù lớn ra sao – đang lúc duyên hoàn toàn thuận lợi (*sampatti*), nghiệp bất thiện không thể làm phận sự và đưa đến khổ (*dukkha*). Tính chất của nghiệp này cần phải được hiểu.

[41] Vipatti có nghĩa là bất lợi, trong khi sampatti là thuận lợi.

Cõi và thời

Một người có thể được sinh trong một cõi không tốt: trong địa ngục, bàng sanh, hay trong cõi của ngạ quỉ (*peta*) và a-tu-la (*asura*). Một khi anh ta đến một cảnh giới bất lợi (*gati vipatti*) như vậy, dù là vị ấy có những nghiệp thiện (*kusala kamma*) muốn cho quả của chúng nhưng chúng cũng không thể. Tối đa chúng chỉ lo liệu để cho vị ấy được đủ ăn. Chúng không có khả năng cho cuộc sống nhân loại hay chư thiên, nơi mà cuộc sống sẽ không bị thoái hóa và không đầy đủ.

Kế đến, trong lúc không may, con người bị sa ngã, thoái chí và có khả năng phạm vào những tà hạnh, hành vi sai trái. Trong lúc lầm lỡ (*kāla vipatti*) nghiệp bất thiện (*akusala kamma*) thường được thực hiện. Trong khoảng thời gian như vậy, không ai được yên ổn hay không gặp trục trặc. Chiến tranh thế giới thứ hai quả là một quãng thời gian khó đạt được bất kỳ phước hay lợi ích nào. Tôi được sanh vào năm 1940 ngay trước chiến tranh. Do vụ việc ném bom và dịch bệnh bùng phát, nhiều người vô tội đã chết. Thậm chí trong ngôi làng của chúng tôi, toàn bộ một gia đình đã chết. Nhiều người trong nước đã chết vì bệnh dịch, bao gồm một số học giả nổi tiếng.

Mặt khác, trong thời gian mà mọi người có cơ hội để hành động thiện lành, có đạo đức là lúc thuận lợi (*kāla sampatti*). Đây là một quãng thời gian có sự tiến bộ trong mọi lĩnh vực, với nền kinh tế bùng nổ, cải tiến trong giáo dục và v.v...

Diện mạo, phong thái của một người

Ngoại hình cũng quan trọng - ngay cả đối với một con chó. Nếu nó có ngoại hình đáng yêu, mọi người sẽ nói: "Con chó đó đẹp làm sao!" và cho nó thức ăn. Đó được gọi là sanh y thuận lợi (*upadhi sampatti*). Về phần sanh y bất lợi (*upadhi vipatti*): nếu đó là một con chó lai bị đói khát với những chỗ lở loét, thay cho việc cho nó thức ăn, người ta có thể ném đá vào nó.

Điều đó cũng như vậy đối với một người. Dù một người giàu có ra sao, với diện mạo xấu xí, đáng sợ, khó có được sự chấp nhận của xã hội. Ví dụ, vào một thời ở Ceylon (nay là Sri Lanka) có một bộ trưởng đã có một người vợ khá xấu xí. Vào các dịp lễ, bà ấy bị nhầm là một nô lệ trong nhà. Không ai đối xử với bà ấy bằng sự tôn trọng. Do sanh y bất lợi (*upadhi vipatti*), không ai nghĩ bà ấy là vợ của một vị bộ trưởng.

Với sanh y bất lợi (*upadhi vipatti*), dù là con trai của một vị vua cũng không có cơ hội nối ngôi lên ngai vàng. Vào một thời ở Ceylon có một hoàng tử ham thích chọi gà, ngay cả khi còn nhỏ. Có một lần trong lúc đối chọi, mắt vị ấy bị cựa gà gây tổn thương. Vì vậy, hoàng tử bị mù một bên mắt. Khi cậu đến tuổi, mẹ của cậu (hoàng hậu) gặp nhà vua để hỏi liệu con trai bà có được lập làm thái tử không. Câu trả lời của nhà vua là gì?

"Hoàng tử bị tàn tật. Hoàng tử không thể trở thành vua. Trước đây khá lâu đã có một vị vua một mắt."

Như vậy, vương quyền toàn bộ Ceylon đã không được trao cho hoàng tử. Thay vào đó, vị ấy được cho một hòn đảo nhỏ để cai trị. Nếu vị ấy không bị mất một mắt - nếu không

có sanh y bất lợi (*upadhi vipatti*) – vị ấy chắc chắn đã trở thành một vị vua. Dù là khi đã có nghiệp thiện (*kusala kamma*) để cho quả của nó, nhưng nghiệp thiện ấy đã không thể trổ quả bởi vì mọi thứ đã diễn ra trái ngược.

Kế đến, có một vị tướng có chiều cao khiêm tốn, là người cực kỳ khéo léo trong thuật bắn cung. Nhưng nhà vua không thích ông làm người phục vụ cho vua như một cung thủ, nghĩ rằng mọi người sẽ cười khi thấy một người lùn, xấu xí là một trong những cung thủ riêng của vua. Thế là vị tướng có một người bạn với diện mạo đẹp trai thay thế chỗ của mình, trong khi ông ta bám sát vị cung thủ đóng thế này. Nếu có một điều gì đó cần đến sự phục vụ của ông, ông sẽ làm điều đó một cách riêng rẽ trong vai trò của người thay thế - mà không được nhìn thấy.

Vì vậy, thậm chí trong việc có được sự bổ nhiệm, diện mạo của một người có ảnh hưởng lớn, đặc biệt là thời chế độ nô lệ ngày xưa. Người ấy thấp hèn hay nghèo khó ra sao không thành vấn đề. Mẹ của vị ấy có thể là một nữ nô lệ. Nhưng chừng nào vị ấy có ngoại hình đẹp thì vị ấy có thể có địa vị và được bổ nhiệm.

Do đó, nghiệp *kamma* khi sản sanh quả của nó bị ảnh hưởng bởi các duyên của thuận lợi (*sampatti*) và bất lợi (*vipatti*). Nó không hoàn toàn dựa vào chính bản thân nghiệp để tạo ra quả như vậy.

Chúng Ta Có Thể Tránh Nghiệp Quả Xấu Hay Không?

Chừng nào mà chúng ta còn chưa thoát khỏi vô minh (*avijjā*), tức không biết về sự thật, có thể nói là chúng ta đang mò mẫm đi trên đường mà không có người chỉ dẫn. Đôi khi chúng ta có thể có khả năng cứ theo con đường và đạt đến đích của chúng ta. Vào lúc khác, chúng ta có thể không đến đó. Trong hành trình của chúng ta suốt vòng luân hồi (*saṃsāra*), do vô minh làm những phàm phu (*putthujjana*) chúng ta không biết những gì nên phải làm hay không nên phải làm. Do vậy, điều cần phải làm mà chúng ta nghĩ không cần phải làm. Những gì không nên làm mà chúng ta nghĩ nên làm.

Theo cách này, chúng ta hành động theo những gì chúng ta nghĩ: đôi lúc chúng ta tình cờ làm phước; đôi khi chúng ta gây ra điều sai trái. Những hành vi đã được thực hiện này sẽ sản sinh quả và quả này trở lại với chúng ta. Đây là định luật cố nhiên về nghiệp và quả của nghiệp.

Đã làm những điều không nên làm

Nếu đã thực hiện những hành vi sai trái, như sát sanh, thì điều gì sẽ được tiến hành? Chúng ta có bỏ cuộc trong tuyệt vọng đến hết cuộc đời mình hay không? Chúng ta cần không mất hết can đảm vì Đức Phật đã chỉ dạy một con đường để thoát khỏi nghiệp xấu.

Trước tiên, chúng ta phải nhận thức rằng điều đã làm là không tốt: bất kỳ hành vi sai trái nào đều không tốt. Rốt cuộc, đức Phật đã cảnh báo: “Không làm những điều bất

thiện. Nếu làm điều bất thiện, nghiệp bất thiện (*akusala kamma*) sẽ cho quả khổ sở và đau đớn của nó".

Với nhận thức này, chúng ta cần phải lập nguyện với chính mình, trước một người thầy hay một người bạn đáng tin cậy. "Con đã làm điều sai lầm. Nghĩ về nó làm con cảm thấy rất hối hận. Dù con có thể vượt qua cảm giác này, con không thể khiến cho tình hình trở nên tốt hơn vì hành động đã được thực hiện. Từ giờ trở đi, con sẽ không bao giờ phạm vào hành vi sai trái nữa. Con chỉ sẽ làm những điều phước thiện."

Chúng ta cần phải kiên định, giữ vững ý nguyện của chúng ta, chắc chắn rằng không lặp lại hành vi sai trái. Đây là giải pháp. Bằng cách tránh xa pháp bất thiện, chúng ta tiếp tục thực hiện những pháp thiện (*kusala*). Thực hiện những pháp thiện, tránh những pháp bất thiện: nếu vậy chúng ta có thể chắc chắn giải thoát bản thân khỏi nghiệp xấu này đã làm phiền chúng ta. Điều này không có nghĩa là chúng ta diệt hay xóa bỏ nó - đó là điều không thể. Đó chỉ là một phương pháp để tạm thoát khỏi nó.

Chán nản, thất vọng suy nghĩ về những gì đã làm là vô ích hoặc không cần thiết. Đó không phải là điều có thể được hiệu chỉnh hay thay đổi. Do vậy, chúng ta không cần phải nghĩ thêm về nó nữa.

Quan trọng hơn là chắc chắn rằng: loại hành vi sai trái này không còn lặp lại ở vị lai. Đây là cách duy nhất. Nếu không thì làm sao một người như Aṅgulimālā có thể trở thành một bậc Ứng cúng (*arahant*) mặc dù đã giết rất nhiều người? Theo lời Đức Phật dạy, bằng cách làm theo phương pháp tránh xa điều ác và trau dồi điều thiện, nghiệp sẽ bị

cô lập[42]. Vì những phiền não (*kilesa*) làm cho nghiệp màu mỡ, nên nó sẽ phát triển. Nếu những danh pháp phiền não bị đoạn trừ, thì nghiệp chấm dứt. Nhưng chừng nào phiền não còn, nghiệp cũng sẽ còn.

Khi tôi sống ở Mỹ, có một lần, tôi đã có buổi nói pháp về cách để được giải thoát khỏi nghiệp xấu. Một cư sĩ nói: "Kính thưa Đại đức, có vẻ như Đại đức đang khuyến khích những người làm sai trong bài giảng của ngài."

Tôi trả lời: "Đây chỉ là nói một cách thực tế. Nếu không, tính hữu ích của pháp là gì? Điều lầm lỗi thì thường là những gì phàm phu (*puthujjana*) làm. Khi đã làm như vậy, nếu nó như vậy là không có lối thoát hay giải pháp, thì như thế là thế nào? Nhưng tất nhiên là có một giải pháp. Điều này Đức Phật đã chỉ ra trong Saṅkhadhamma Sutta."

Đừng chịu thua nghiệp

Do vậy, nghiệp không phải là thứ mà bạn chịu thua. Thay vào đó, nó có thể được thay đổi. Bạn có thể thay thế pháp xấu bằng một pháp tốt – bằng cách dùng pháp thiện (*kusala*) để tống khứ pháp bất thiện (*akusala*). Khi hiểu tính chất của nghiệp và nhận ra những quả của nó, bạn sẽ tránh xa việc thực hiện nghiệp xấu. Thay vào đó, bạn sẽ cố gắng làm thiện. Nếu vậy, bạn có thể vẫn hạnh phúc trong vòng luân hồi (*saṃsāra*) nếu bạn muốn.

Tuy nhiên, khi không còn muốn khổ lão, khổ bệnh và khổ tử, bạn vẫn tiếp tục vun bồi thiện pháp, trong khi cố gắng hiểu những gì Đức Phật đã dạy về nghiệp. Sẽ đến lúc bạn

[42] Kilesa nirodhe, kamma nirodho.

có thể hiểu và phân biệt giữa hai loại nghiệp trong cuộc đời của bạn - loại để tránh và loại để duy trì. Khi cố gắng thực hiện những nghiệp thiện, bạn cũng cố gắng tu tập để đoạn trừ những phiền não (*kilesa*). Điều này cuối cùng là để giải thoát bản thân bạn khỏi tất cả nghiệp tốt và xấu. Tại thời điểm bạn có khả năng đoạn trừ những phiền não (*kilesa*), nghiệp sẽ không còn khả năng cho quả của nó nữa. Đây là khi bạn đã đạt đến hạnh phúc của Nibbāna.

Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti
(Pháp thí thắng mọi thí)

Sadhu! Sadhu! Sadhu!

Xin hồi hướng phước đến thầy

BHIKKHU MAGGABUJJHANO – NGỘ ĐẠO
(1955 – 2020)
Sinh vào ngày rằm tháng 8 năm Ất Mùi
Tử vào mùng 2 tháng giêng năm Canh Tý



Ngày 6 tháng Chạp năm Canh Tý
Đúng ngày 18 tháng 1 năm 2021
Phật lịch 2564 - Dương lịch 2021



BUDDHASĀSANA THERAVĀDA

SÁCH PHẬT PHÁP

Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu

Website **Sách Phật Pháp** thực hiện bản điện tử.

- W: www.sachphatphap.vn
- E: banbientap@sachphatphap.vn

Phật lịch 2565
Ngày 18 tháng 1 năm 2022